



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

HỎI - ĐÁP

**VỀ THỰC HIỆN QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA THÔN
VÀ TỔ DÂN PHỐ**



**NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**

HỎI - ĐÁP
VỀ THỰC HIỆN QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA THÔN
VÀ TỔ DÂN PHỐ

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Thành viên

TS. NGUYỄN AN TIÊM

TS. KHUẤT DUY KIM HẢI

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

NGƯT. VŨ THANH XUÂN - ThS. NGUYỄN THẾ VINH
(Đồng chủ biên)

HỎI - ĐÁP
VỀ THỰC HIỆN QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2012

CÁC TÁC GIẢ

NGƯỠ. VŨ THANH XUÂN

ThS. NGUYỄN THẾ VINH

(Đồng chủ biên)

ThS. PHẠM ĐỨC TOÀN

ThS. PHAN VĂN HÙNG

ThS. LÊ THỊ LÝ

ThS. THÁI THỊ THU

CN. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

CN. NGUYỄN THỊ NGỌC ANH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 về *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố*.

Quá trình thực hiện *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* đã cho thấy nhiều ưu điểm, tạo được những chuyển biến tích cực, góp phần xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm.

Quy chế đã xác định rõ, thôn, tổ dân phố là một tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, nhằm phát huy tính tích cực của nhân dân trong thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thực tế cho thấy, bên cạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật thì công tác quản lý địa bàn dân cư cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của thôn, tổ dân phố. Hầu hết các thôn, tổ dân phố đều có các loại sổ sách quản lý như: danh sách các hộ trong thôn, tổ dân phố; sơ đồ khu

dân cư; sổ theo dõi thực hiện nghĩa vụ của gia đình; sổ nhân khẩu thường trú, tạm trú, tạm vắng, hoàn cảnh gia đình của từng người..., những thông tin này đã góp phần quan trọng cho các cấp chính quyền trong việc quản lý, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thôn, tổ dân phố cũng là nơi cộng đồng dân cư tham gia bàn bạc dân chủ một cách trực tiếp về các hoạt động tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư như: đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau trong đời sống, sinh hoạt; giữ gìn trật tự an toàn xã hội; giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp và thuần phong mỹ tục của cộng đồng; bài trừ hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội. Trong sinh hoạt thôn, tổ dân phố, các nội dung thực hiện dân chủ ở cơ sở được phát huy thực sự, từ đó nhân dân nắm rõ hơn, thực hiện tốt hơn quyền dân chủ của mình, mạnh dạn góp ý xây dựng chính quyền, xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở.

Nhằm cung cấp tài liệu và giải đáp một số vấn đề cụ thể về thực hiện *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách: ***Hỏi - đáp về thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố.***

Cuốn sách gồm hai phần:

Phần thứ nhất: Hỏi - đáp một số quy định về *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố*.

Phần thứ hai: Một số văn bản tham khảo về việc thực hiện *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố*.

Hy vọng cuốn sách sẽ thực sự bổ ích và trở thành người bạn đồng hành thân thiết đối với cán bộ, công chức hiện đang công tác ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố để góp phần xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Trong quá trình biên soạn, mặc dù các tác giả đã hết sức cố gắng, song nội dung cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc, nhất là của các cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và cán bộ thôn, tổ dân phố.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 6 năm 2012

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

PHẦN THỨ NHẤT

**HỎI - ĐÁP MỘT SỐ QUY ĐỊNH
VỀ QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ**

I- TỔNG QUAN VỀ QUY CHẾ

Câu hỏi 1: Quy chế là gì?

Trả lời:

Theo *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản năm 1977 thì quy chế là: "Tổng thể nói chung những điều quy định thành chế độ để mọi người thực hiện trong những hoạt động nhất định nào đó".

Theo *Đại từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin xuất bản năm 1999, thì: "Quy chế là một văn bản hay toàn thể các văn bản xác định những đảm bảo căn bản đối với một tập thể, một ngành".

(Ví dụ: Quy chế công chức, quy chế làm việc mẫu của ủy ban nhân dân các cấp).

"Quy chế là những quy định đã thành chế độ để mọi người tuân theo".

(Ví dụ: Quy chế thi cử).

Còn theo *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên, Nhà xuất bản Đà Nẵng xuất bản năm 2011 thì quy chế là "những điều đã được quy định thành chế độ để mọi người theo đó mà thực hiện trong những hoạt động nhất định nào đó".

Câu hỏi 2: Tại sao mọi tổ chức đều phải có quy chế hoạt động của mình?

Trả lời:

Xuất phát từ vị trí, vai trò của các cơ quan hành chính nhà nước trong bộ máy nhà nước đòi hỏi các hoạt động chấp hành và điều hành của cơ quan hành chính nhà nước cần thiết phải có những quy định cụ thể. Quy chế làm việc nhằm đáp ứng yêu cầu:

- Hoạt động quản lý hành chính nhà nước đa dạng và phức tạp, do một bộ máy lớn và đông đảo thực hiện.

- Hoạt động quản lý hành chính nhà nước đòi hỏi sự phối hợp của các cơ quan hành chính nhà nước, giữa cơ quan hành chính nhà nước với các cơ quan nhà nước khác và với công dân.

Một quy chế làm việc tốt là cơ sở để hoạt động quản lý hành chính nhà nước đạt hiệu lực và hiệu quả.

II- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Câu hỏi 3: *Thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc...; tổ dân phố, khu phố, khóm... có phải là một cấp hành chính thuộc ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn không?*

Trả lời:

Điều 1 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ quy định:

"Thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc... (gọi chung là thôn); tổ dân phố, khu phố, khóm... (gọi chung là tổ dân phố) không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản và tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao".

Tại Điều này còn quy định rõ:

"Dưới xã là thôn. Dưới phường, thị trấn là tổ dân phố".

Câu hỏi 4: *Tổ chức thôn và tổ dân phố chịu sự quản lý trực tiếp của cơ quan nào?*

Trả lời:

Điều 2 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo

Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ quy định:

"Thôn và tổ dân phố chịu sự quản lý trực tiếp của chính quyền xã, phường, thị trấn".

Câu hỏi 5: Ai là người bầu ra và ai là người công nhận trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố?

Trả lời:

Điều 3 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ quy định:

"Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do nhân dân trực tiếp bầu, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận".

Câu hỏi 6: Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm gì và chịu sự quản lý, điều hành của ai?

Trả lời:

"Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là người đại diện cho nhân dân và đại diện cho chính quyền xã, phường, thị trấn để thực hiện một số nhiệm vụ hành chính tại thôn và tổ dân phố. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chịu sự lãnh đạo của chi bộ thôn, chi bộ tổ dân phố hoặc chi bộ cấp xã (nơi chưa có chi bộ thôn và chi bộ tổ

dân phố); chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành của ủy ban nhân dân cấp xã; phối hợp chặt chẽ với ban công tác Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các hội ở thôn, tổ dân phố trong quá trình triển khai công tác".

Đây là những nội dung quy định tại Điều 3 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ.

Câu hỏi 7: Số lượng cán bộ ở thôn, tổ dân phố được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 4 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ quy định:

"Mỗi thôn, tổ dân phố có một phó thôn và một tổ phó tổ dân phố giúp việc cho trưởng thôn và tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp thôn và tổ dân phố có trên 1.500 dân có thể bố trí thêm một phó thôn và một tổ phó tổ dân phố. Phó thôn, tổ phó tổ dân phố do trưởng thôn và tổ trưởng tổ dân phố đề nghị (sau khi có sự thống nhất với ban công tác Mặt trận Tổ quốc), chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra quyết định công nhận".

Câu hỏi 8: Nhiệm kỳ của trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố tối đa là bao nhiêu năm?

Trả lời:

Điều 5 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ quy định:

"Nhiệm kỳ của trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố tối đa không quá hai năm rưỡi. Trong trường hợp thành lập thôn, tổ dân phố mới hoặc khuyết trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thì chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời hoạt động cho đến khi thôn, tổ dân phố bầu được trưởng thôn và tổ trưởng tổ dân phố mới".

Câu hỏi 9: Quyền lợi của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được hưởng như thế nào?

Trả lời:

"Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được hưởng phụ cấp hàng tháng; căn cứ hướng dẫn của trung ương, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức phụ cấp hàng tháng đối với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; được miễn lao động công ích trong thời gian công tác; được cử đi huấn luyện, bồi dưỡng những kiến thức cần thiết.

Trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sẽ được khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy mức độ sai phạm sẽ bị phê bình, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi chức hoặc truy cứu trách nhiệm theo pháp luật. Ban công tác Mặt trận và cử tri đề nghị hội nghị chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định hình thức kỷ luật phê bình, cảnh cáo hoặc cho thôi chức đối với trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố".

Đây là nội dung được quy định tại Điều 6 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ.

III- TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN

Câu hỏi 10: Ai là người ra quyết định công nhận các thôn hiện có cho từng xã?

Trả lời:

Điều 7 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ quy định:

"Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận các thôn hiện có cho từng xã nhằm ổn định tổ chức và hoạt động của các thôn".

Câu hỏi 11: Việc thành lập thôn mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập thôn) được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ, tại Điều 8 quy định:

"Về việc thành lập thôn mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập thôn):

1. Giữ nguyên các thôn hiện có. Chỉ thành lập thôn mới khi tổ chức định canh, định cư, di dân giải phóng mặt bằng và khi thực hiện quy hoạch dân dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy mô thôn mới: ở vùng đồng bằng miền Bắc phải có từ 150 hộ trở lên; ở vùng đồng bằng miền Trung và miền Nam phải có từ 100 hộ trở lên; miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa phải có từ 50 hộ trở lên".

Câu hỏi 12: Quy trình thành lập thôn mới được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Tại điểm a, b, c, d khoản 3, Điều 8 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ quy định:

"Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới:

a) Sau khi chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyết định về chủ trương, ủy ban nhân dân xã xây dựng phương án thành lập thôn mới, nội dung chủ yếu gồm:

+ Sự cần thiết phải thành lập thôn mới.

+ Tên thôn.

+ Vị trí địa lý của thôn.

+ Dân số (số hộ, số nhân khẩu).

+ Diện tích thôn (đơn vị tính là héc-ta).

+ Kiến nghị.

b) Lấy ý kiến cử tri trong khu vực thành lập thôn mới về phương án, tổng hợp thành văn bản nêu rõ tổng số cử tri, số cử tri đồng ý, không đồng ý.

c) Nếu đa số cử tri đồng ý, ủy ban nhân dân xã hoàn chỉnh phương án, trình hội đồng nhân dân xã thông qua (có nghị quyết của hội đồng nhân dân).

d) Sau khi có nghị quyết của hội đồng nhân dân xã, ủy ban nhân dân xã hoàn chỉnh hồ sơ trình ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thẩm

định phương án, hồ sơ trình chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định".

Câu hỏi 13: Hồ sơ thành lập thôn mới gồm những văn bản nào?

Trả lời:

Tại khoản 3, Điều 8 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ quy định hồ sơ thành lập thôn mới trình chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm:

- Tờ trình của ủy ban nhân dân xã trình hội đồng nhân dân xã.
- Phương án thành lập thôn mới.
- Biên bản lấy ý kiến cử tri.
- Nghị quyết của hội đồng nhân dân xã.
- Tờ trình của ủy ban nhân dân xã trình ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Tờ trình của ủy ban nhân dân cấp huyện trình ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Câu hỏi 14: Ai là người xem xét ra quyết định thành lập thôn mới?

Trả lời:

Theo quy định tại điểm e, khoản 3 Điều 8 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số

13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ thì:

"Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ra quyết định thành lập thôn mới".

Câu hỏi 15: Các hoạt động của thôn bao gồm những nội dung gì và được thực hiện thông qua hình thức nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 9 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ, thì hoạt động của thôn bao gồm:

"1. Cộng đồng dân cư trong thôn cùng nhau thảo luận, quyết định và thực hiện các công việc tự quản, bảo đảm đoàn kết giữ gìn trật tự an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; xây dựng cuộc sống mới; giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp, thuần phong, mỹ tục của thôn; xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn; xây dựng và thực hiện hương ước.

2. Bàn biện pháp thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ do ủy ban nhân dân xã giao và thực hiện nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước.

3. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn.
Các hoạt động của thôn được thực hiện thông qua hội nghị thôn".

Câu hỏi 16: Hội nghị của thôn được tổ chức như thế nào?

Trả lời:

Điều 10 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ quy định:

"Hội nghị của thôn được tổ chức ba tháng hoặc sáu tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc chủ hộ hay cử tri đại diện hộ. Hội nghị do trưởng thôn triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có ít nhất quá nửa số cử tri hoặc chủ hộ tham dự. Nghị quyết của thôn chỉ có giá trị khi được quá nửa số chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ tán thành và không trái pháp luật".

Câu hỏi 17: Tiêu chuẩn trưởng thôn được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 11 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn trưởng thôn như sau:

"Trưởng thôn phải là người có hộ khẩu và cư trú thường xuyên ở thôn, đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác, đạo đức và tư cách tốt, được nhân dân tín nhiệm, bản thân và gia đình gương mẫu, có năng lực và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc của cộng đồng và cấp trên giao".

Câu hỏi 18: Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của trưởng thôn được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 12 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ quy định nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của trưởng thôn như sau:

1. Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn.
2. Tổ chức thực hiện các quyết định của thôn.
3. Tổ chức nhân dân thực hiện tốt quy chế dân chủ.
4. Tổ chức xây dựng và thực hiện hương ước.
5. Bảo đảm đoàn kết, giữ gìn trật tự an toàn trong thôn.
6. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ do ủy ban nhân dân xã giao.

7. Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền xã giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

8. Trên cơ sở nghị quyết của hội nghị thôn, ký hợp đồng dịch vụ phục vụ sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn.

9. Được ủy ban nhân dân xã mời dự họp về các vấn đề liên quan. Hằng tháng báo cáo kết quả công tác với ủy ban nhân dân xã; sáu tháng, cuối năm phải báo cáo công tác và tự phê bình trước hội nghị thôn".

Câu hỏi 19: Quy trình bầu trưởng thôn được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Quy trình bầu trưởng thôn được hướng dẫn cụ thể tại khoản 1, Điều 13 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

"Toàn thể cử tri hoặc chủ hộ hay cử tri đại diện hộ tham gia bầu trực tiếp trưởng thôn theo hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay. Chủ tịch ủy ban nhân dân xã quyết định ngày tổ chức bầu trưởng thôn và ra quyết định thành lập tổ bầu cử. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm bảo đảm kinh phí, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và giúp đỡ tổ chức tốt hội nghị bầu trưởng thôn".

Câu hỏi 20: Việc giới thiệu nhân sự bầu trưởng thôn được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Việc giới thiệu nhân sự bầu trưởng thôn được hướng dẫn cụ thể tại điểm a và điểm b khoản 2, Điều 13 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

"a) Căn cứ vào tiêu chuẩn trưởng thôn, sự lãnh đạo của chi bộ thôn hoặc chi bộ xã, ban công tác Mặt trận thôn phối hợp với các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh trong thôn dự kiến giới thiệu người ra ứng cử, sau đó tổ chức họp cử tri để thảo luận tiêu chuẩn, danh sách giới thiệu của ban công tác Mặt trận thôn và những người ứng cử do cử tri giới thiệu hoặc tự ứng cử.

b) Căn cứ danh sách ứng cử tại hội nghị cử tri, trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì cuộc họp thảo luận thống nhất ấn định danh sách ứng cử viên chính thức. Thành phần cuộc họp gồm đại diện lãnh đạo của tổ chức đảng, chi đoàn thanh niên, các chi hội phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh. Danh sách để bầu trưởng thôn phải dư ít nhất một người".

Câu hỏi 21: Việc thành lập tổ bầu cử để tiến hành bầu trưởng thôn được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Việc thành lập tổ bầu cử để tiến hành bầu trưởng thôn được hướng dẫn cụ thể tại khoản 3, Điều 13 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

"Tổ bầu cử có không quá bảy thành viên do trưởng ban công tác Mặt trận làm tổ trưởng. Các thành viên khác gồm đại diện của tổ chức đảng và một số đoàn thể như thanh niên, phụ nữ, nông dân và cựu chiến binh của thôn".

Câu hỏi 22: Tổ bầu cử bầu trưởng thôn có những nhiệm vụ gì?

Trả lời:

Theo quy định tại điểm a, b, c, d và điểm e khoản 3, Điều 13 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ, tổ bầu cử có nhiệm vụ:

"a) Lập và công bố danh sách cử tri tham gia bầu trưởng thôn.

b) Công bố danh sách ứng cử viên.

c) Tổ chức hội nghị bầu trưởng thôn.

d) Công bố kết quả bầu cử.

đ) Báo cáo kết quả hội nghị bầu trưởng thôn và nộp các tài liệu bầu cử cho ủy ban nhân dân xã".

Câu hỏi 23: Việc kiểm phiếu và công bố kết quả bầu trưởng thôn được quy định như thế nào?

Trả lời:

Quy định về việc kiểm phiếu và công bố kết quả bầu trưởng thôn được hướng dẫn cụ thể tại điểm a, b và điểm c khoản 4, Điều 13 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

"4. Kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử:

a) Trước khi bỏ phiếu, hội nghị bầu ban kiểm phiếu do tổ bầu cử giới thiệu. Ban kiểm phiếu có ba người.

b) Kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu. Ban kiểm phiếu lập biên bản kết quả bỏ phiếu, bàn giao biên bản và phiếu bầu cho tổ trưởng tổ bầu cử.

c) Tổ trưởng tổ bầu cử công bố kết quả bầu cho từng người và người trúng cử trưởng thôn. Người trúng cử trưởng thôn là người có số phiếu bầu hợp lệ trên 50% số cử tri tham gia bầu cử.

Kết quả bầu chỉ có giá trị khi có ít nhất 50% số cử tri trong danh sách tham gia bỏ phiếu".

Câu hỏi 24: Ai là người ra quyết định công nhận người trúng cử trưởng thôn? Trưởng thôn chính thức hoạt động từ khi nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 5, Điều 13 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ, thì:

"Căn cứ biên bản kết quả kiểm phiếu và báo cáo kết quả hội nghị bầu trưởng thôn, chủ tịch ủy ban nhân dân xã xem xét ra quyết định công nhận người trúng cử trưởng thôn. Trưởng thôn chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của chủ tịch ủy ban nhân dân xã".

Câu hỏi 25: Kinh phí bầu cử trưởng thôn được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định cụ thể tại khoản 6, Điều 13 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ thì kinh phí bầu cử trưởng thôn được thực hiện như sau:

"Kinh phí bầu cử do ngân sách xã cấp.

Trong trường hợp số cử tri tham gia bỏ phiếu dưới 50% và trong trường hợp vi phạm các quy định về bầu cử trưởng thôn tại khoản 2, 3, 4 Điều này thì phải tổ chức bầu lại. Ngày tổ chức bầu lại do chủ tịch ủy ban nhân dân xã quyết định. Trường hợp bầu cử lại lần thứ hai cũng không đạt kết quả, chủ tịch ủy ban nhân dân xã chỉ định trưởng thôn lâm thời trong số những người ứng cử chính thức để hoạt động cho đến khi bầu được trưởng thôn mới".

IV- TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ DÂN PHỐ

Câu hỏi 26: Việc thành lập tổ dân phố mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập tổ dân phố) do cấp nào trình và cấp nào xem xét, quyết định?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 14 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ thì:

"Việc thành lập tổ dân phố mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập tổ dân phố) do ủy ban nhân dân phường, thị trấn lập phương án, trình hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua và trình

chủ tịch ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp xem xét quyết định. Quy mô một tổ dân phố được thành lập mới có từ 70 hộ trở lên".

Câu hỏi 27: Hoạt động của tổ dân phố, hội nghị tổ dân phố, tiêu chuẩn và việc bầu cử tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 15 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ, thì:

"Hoạt động của tổ dân phố, hội nghị tổ dân phố, tiêu chuẩn và việc bầu cử tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện theo Điều 9, 10, 11, 13 của Quy chế này".

Câu hỏi 28: Nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của tổ trưởng tổ dân phố là gì?

Trả lời:

Điều 16 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ quy định nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của tổ trưởng tổ dân phố là:

"1. Triệu tập và chủ trì hội nghị tổ dân phố để bàn và tổ chức thực hiện các quyết định của tổ dân phố về giữ gìn trật tự, an toàn xã hội,

phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; tu sửa, xây dựng cơ sở hạ tầng ngõ phố và vệ sinh môi trường; xây dựng đời sống văn hóa, đoàn kết giúp đỡ nhau trong đời sống và sản xuất; thực hiện tốt các nhiệm vụ do ủy ban nhân dân phường, thị trấn giao.

2. Vận động và tổ chức nhân dân thực hiện tốt Quy chế dân chủ.

3. Tổ chức và thực hiện quy ước ở tổ dân phố.

4. Tập hợp ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân để phản ánh và đề nghị ủy ban nhân dân phường, thị trấn giải quyết.

5. Được ủy ban nhân dân phường, thị trấn mời dự họp về các vấn đề liên quan. Hằng tháng báo cáo kết quả công tác với ủy ban nhân dân phường, thị trấn, sáu tháng, cuối năm phải báo cáo công tác và tự kiểm điểm trước hội nghị tổ dân phố".

V- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Câu hỏi 29: Ủy ban nhân dân cấp nào có thẩm quyền ban hành quy định cụ thể Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố cho phù hợp tình hình thực tế ở địa phương?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 17 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành

kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ thì:

"Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ những quy định tại Quy chế này, quy định cụ thể cho phù hợp tình hình thực tế ở địa phương".

Câu hỏi 30: Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm gì trong công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 18 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ thì:

"Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này".

Câu hỏi 31: Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương liên quan tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 19 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ, thì:

"Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương liên quan tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung liên quan quy định tại Quy chế này".

Câu hỏi 32: Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ nếu có vướng mắc thì cơ quan nào có trách nhiệm xem xét, giải quyết?

Trả lời:

"Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, báo cáo về Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết".

Đây là nội dung quy định tại Điều 20 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ.

Hiện nay Bộ Nội vụ đang nghiên cứu tiếp thu ý kiến của các địa phương, các bộ, cơ quan

ngang bộ, cơ quan trung ương liên quan để ban hành Thông tư quy định về tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố để thay thế Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ.

Câu hỏi 33: Công tác bồi dưỡng đối với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được quy định và hướng dẫn tại văn bản nào?

Trả lời:

Công tác bồi dưỡng đối với trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc... và tổ trưởng tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm... (gọi chung là trưởng thôn) được quy định và hướng dẫn tại Quyết định số 135/2005/QĐ-BNV ngày 15-12-2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành *Quy chế bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố*.

Câu hỏi 34: Mục đích, yêu cầu đối với việc bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được đặt ra như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 2 *Quy chế bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 135/2005/QĐ-BNV ngày 15-12-2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ thì mục đích, yêu cầu của việc bồi dưỡng trưởng

thôn nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, những pháp luật liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng thôn, những kiến thức bổ trợ cần thiết và kỹ năng hoạt động giúp trưởng thôn thực hiện tốt nhiệm vụ tại địa bàn dân cư.

Câu hỏi 35: Nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng trưởng thôn do cơ quan nào ban hành?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 3 *Quy chế bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 135/2005/QĐ-BNV ngày 15-12-2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ thì những người giữ chức danh trưởng thôn đều phải được bồi dưỡng kiến thức theo nội dung chương trình, tài liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Câu hỏi 36: Nội dung cụ thể của chương trình, tài liệu bồi dưỡng đối với trưởng thôn là gì?

Trả lời:

Theo Điều 4 *Quy chế bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 135/2005/QĐ-BNV ngày 15-12-2005 của

Bộ trưởng Bộ Nội vụ thì nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng trưởng thôn gồm:

1. Kiến thức cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Chức năng, nhiệm vụ của trưởng thôn.

3. Kiến thức pháp luật liên quan trực tiếp tới hoạt động thực hiện nhiệm vụ của trưởng thôn tại địa bàn dân cư theo quy định tại Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* và nhiệm vụ do ủy ban nhân dân cấp xã giao.

4. Những kiến thức cần thiết khác liên quan tới nhiệm vụ phải thực hiện (*Quy chế dân chủ ở cơ sở*, dân số - kế hoạch hóa gia đình, xóa đói, giảm nghèo, tôn giáo, dân tộc, kiến thức khoa học về khuyến nông, khuyến lâm, bảo vệ môi trường...).

5. Kỹ năng hoạt động của trưởng thôn.

Câu hỏi 37: Việc phân cấp thẩm quyền quy định cấu trúc nội dung chương trình và biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được quy định cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Việc phân cấp thẩm quyền quy định cấu trúc nội dung và biên soạn chương trình, tài liệu

bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được quy định tại Điều 5 *Quy chế bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 135/2005/QĐ-BNV ngày 15-12-2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Cụ thể như sau:

"1. Bộ Nội vụ quyết định cấu trúc nội dung chương trình, thẩm định và ban hành chương trình khung tài liệu bồi dưỡng. Học viện Hành chính Quốc gia hướng dẫn việc biên soạn tài liệu bồi dưỡng.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trên cơ sở chương trình khung do Bộ Nội vụ ban hành và hướng dẫn biên soạn tài liệu bồi dưỡng của Học viện Hành chính Quốc gia quyết định việc tổ chức biên soạn, thẩm định, ban hành tài liệu bồi dưỡng trưởng thôn. Cơ quan, đơn vị trực tiếp biên soạn và hướng dẫn sử dụng tài liệu do ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Chương trình khung và tài liệu bồi dưỡng trưởng thôn đều phải được thẩm định trước khi ban hành đưa vào sử dụng.

3. Bộ Nội vụ và ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm theo dõi kiểm tra, nghiên cứu đánh giá chương trình, tài liệu bồi dưỡng trưởng thôn sau khi đưa vào sử dụng và có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện chương trình, tài

liệu khi có đề xuất kiến nghị phù hợp của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm liên quan".

Câu hỏi 38: Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá, quản lý và cấp chứng chỉ cho trưởng thôn sau một khóa đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 6 Quy chế bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 135/2005/QĐ-BNV, tất cả các khóa bồi dưỡng trưởng thôn theo chương trình, tài liệu quy định tại Điều 4 Quy chế này đều phải được kiểm tra, đánh giá và cấp chứng chỉ khi kết thúc. Hình thức kiểm tra, đánh giá và cấp chứng chỉ do ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Mẫu chứng chỉ cấp cho học viên do Bộ Nội vụ hướng dẫn.

Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá, quản lý và cấp chứng chỉ cho trưởng thôn do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thực hiện.

Câu hỏi 39: Giảng viên bồi dưỡng trưởng thôn gồm những đối tượng nào?

Trả lời:

Tại Điều 7 Quy chế bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 135/2005/QĐ-BNV thì: "Giảng viên bồi

duỡng trưởng thôn gồm: giảng viên trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, báo cáo viên trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện hoặc giáo viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp tỉnh: giảng viên kiêm chức là cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc quận, huyện, thị xã hoặc cán bộ, công chức ngạch chuyên viên chính cấp sở hoặc tương đương đang làm việc ở các lĩnh vực liên quan tới nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng hoặc các lĩnh vực liên quan tới kiến thức bổ trợ cần thiết cho hoạt động của trưởng thôn".

Câu hỏi 40: Thời gian mỗi khóa bồi dưỡng trưởng thôn theo chương trình, tài liệu đã được cơ quan có thẩm quyền quy định là bao nhiêu ngày?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 8 *Quy chế bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 135/2005/QĐ-BNV thì thời gian mỗi khóa bồi dưỡng trưởng thôn là 10 ngày.

Hình thức, phương pháp bồi dưỡng trưởng thôn do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu lựa chọn sao cho phù hợp đặc điểm từng vùng và đối tượng bồi dưỡng đảm bảo thiết thực, chất lượng, hiệu quả.

Câu hỏi 41: Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố khi được cơ quan cử đi bồi dưỡng có trách nhiệm và quyền lợi gì?

Trả lời:

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được cử đi bồi dưỡng phải chấp hành nghiêm túc việc học tập theo kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền và những quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng. Trường hợp học viên vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập sẽ phải kiểm điểm và chịu hình thức kiểm điểm, kỷ luật do ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tùy theo mức độ vi phạm.

Đây là nội dung đã được quy định tại Điều 9 *Quy chế bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 135/2005/QĐ-BNV.

Câu hỏi 42: Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố khi được cơ quan cử đi bồi dưỡng được đài thọ kinh phí học tập như thế nào và do cơ quan nào cấp?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 10 *Quy chế bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 135/2005/QĐ-BNV thì, trưởng thôn khi được cử đi bồi dưỡng được đài thọ toàn

bộ kinh phí học tập, được hưởng nguyên phụ cấp kinh phí hoạt động và các chế độ khác theo quy định hiện hành. Kinh phí học tập do ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Câu hỏi 43: Việc phân công tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được giao cho các cơ quan thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 *Quy chế bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố* ban hành kèm theo Quyết định số 135/2005/QĐ-BNV thì:

- Bộ Nội vụ ban hành chương trình khung; hướng dẫn biên soạn tài liệu bồi dưỡng và kiểm tra việc thực hiện của ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ sở đào tạo trong việc biên soạn, ban hành tài liệu và tổ chức bồi dưỡng trưởng thôn; chỉnh sửa chương trình khung, bổ sung hướng dẫn việc biên soạn tài liệu của các địa phương.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành và hướng dẫn sử dụng tài liệu bồi dưỡng trưởng thôn; có kế hoạch và tổ chức thực hiện việc triển khai bồi dưỡng trưởng thôn trên địa bàn toàn tỉnh. Ban hành

các chế độ, chính sách đảm bảo và khuyến khích bồi dưỡng nâng cao trình độ trưởng thôn trên cơ sở các quy định chung của Nhà nước và phù hợp với điều kiện địa phương.

- Các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu, xem xét giải quyết.

PHẦN THỨ HAI

**MỘT SỐ VĂN BẢN THAM KHẢO VỀ
VIỆC THỰC HIỆN QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ**

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/2002/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 6 tháng 12 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tổ chức và
hoạt động của thôn và tổ dân phố**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25-12-2001;

Căn cứ Nghị định số 181/NĐ-CP ngày 30-9-1992 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ);

Căn cứ Quyết định số 85/2002/QĐ-TTg ngày 28-6-2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 18-3-2002 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về "Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn";

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này bản *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố*.

Điều 2: Quyết định này thay thế Quyết định số 164/TCCP-CCVC ngày 29-6-1995 của Bộ trưởng - Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc ban hành *Quy chế tạm thời về tổ chức bản ở các xã miền núi và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng bản* và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3: Các bộ, các cơ quan ngang bộ, các cơ quan Trung ương liên quan và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

ĐỖ QUANG TRUNG

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV
ngày 6-12-2002 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc... (gọi chung là thôn); tổ dân phố, khu phố, khóm... (gọi chung là tổ dân phố) không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản và tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Dưới xã là thôn. Dưới phường, thị trấn là tổ dân phố.

Điều 2: Thôn và tổ dân phố chịu sự quản lý trực tiếp của chính quyền xã, phường, thị trấn.

Điều 3: Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do nhân dân trực tiếp bầu, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận; là người đại diện cho nhân dân và đại diện cho chính quyền xã, phường, thị trấn để thực hiện một số nhiệm vụ hành chính tại thôn và tổ dân phố. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chịu sự lãnh đạo của chi bộ thôn, chi bộ tổ dân phố hoặc chi bộ cấp xã (nơi chưa có chi bộ thôn và chi bộ tổ dân phố); chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành của ủy ban nhân dân cấp xã; phối hợp chặt chẽ với ban công tác Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các hội ở thôn, tổ dân phố trong quá trình triển khai công tác.

Điều 4: Mỗi thôn, tổ dân phố có một phó thôn và một tổ phó tổ dân phố giúp việc cho trưởng thôn và tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp thôn và tổ dân phố có trên 1.500 dân có thể bố trí thêm một phó thôn và một tổ phó tổ dân phố. Phó thôn, tổ phó tổ dân phố do trưởng thôn và tổ trưởng tổ dân phố đề nghị (sau khi có sự thống nhất với ban công tác Mặt trận Tổ quốc), chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra quyết định công nhận.

Điều 5: Nhiệm kỳ của trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố tối đa không quá hai năm rưỡi. Trong trường hợp thành lập

thôn, tổ dân phố mới hoặc khuyết trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thì chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời hoạt động cho đến khi thôn, tổ dân phố bầu được trưởng thôn và tổ trưởng tổ dân phố mới.

Điều 6: Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được hưởng phụ cấp hằng tháng; căn cứ hướng dẫn của Trung ương, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức phụ cấp hằng tháng đối với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; được miễn lao động công ích trong thời gian công tác; được cử đi huấn luyện, bồi dưỡng những kiến thức cần thiết.

Trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sẽ được khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy mức độ sai phạm sẽ bị phê bình, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi chức hoặc truy cứu trách nhiệm theo pháp luật. Ban công tác Mặt trận và cử tri đề nghị hội nghị chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định hình thức kỷ luật phê bình, cảnh cáo hoặc cho thôi chức đối với trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN

Điều 7: Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận các thôn hiện có cho từng xã nhằm ổn định tổ chức và hoạt động của các thôn.

Điều 8: Về việc thành lập thôn mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập thôn):

1. Giữ nguyên các thôn hiện có. Chỉ thành lập thôn mới khi tổ chức định canh, định cư, di dân giải phóng mặt bằng và khi thực hiện quy hoạch dân dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy mô thôn mới: ở vùng đồng bằng miền Bắc phải có từ 150 hộ trở lên; ở vùng đồng bằng miền Trung và miền Nam phải có từ 100 hộ trở lên; miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa phải có từ 50 hộ trở lên.

3. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới:

a) Sau khi chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyết định về chủ trương, ủy ban nhân dân xã xây dựng phương án thành lập thôn mới, nội dung chủ yếu gồm:

+ Sự cần thiết phải thành lập thôn mới.

+ Tên thôn.

+ Vị trí địa lý của thôn.

+ Dân số (số hộ, số nhân khẩu).

+ Diện tích thôn (đơn vị tính là héc-ta).

+ Kiến nghị.

b) Lấy ý kiến cử tri trong khu vực thành lập thôn mới về phương án, tổng hợp thành văn bản nêu rõ tổng số cử tri, số cử tri đồng ý, không đồng ý.

c) Nếu đa số cử tri đồng ý, ủy ban nhân dân xã hoàn chỉnh phương án, trình hội đồng nhân dân xã thông qua (có nghị quyết của hội đồng nhân dân).

d) Sau khi có nghị quyết của hội đồng nhân dân xã, ủy ban nhân dân xã hoàn chỉnh hồ sơ trình ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thẩm định phương án, hồ sơ trình chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Hồ sơ trình chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm:

+ Tờ trình của ủy ban nhân dân xã trình hội đồng nhân dân xã.

+ Phương án thành lập thôn mới.

+ Biên bản lấy ý kiến cử tri.

+ Nghị quyết của hội đồng nhân dân xã.

+ Tờ trình của ủy ban nhân dân xã trình ủy ban nhân dân cấp huyện.

+ Tờ trình của ủy ban nhân dân cấp huyện trình ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ra quyết định thành lập thôn mới.

Điều 9: Hoạt động của thôn:

1. Cộng đồng dân cư trong thôn cùng nhau thảo luận, quyết định và thực hiện các công việc tự quản, bảo đảm đoàn kết giữ gìn trật tự an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; xây dựng cuộc sống mới; giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp, thuần phong, mỹ tục của thôn; xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn; xây dựng và thực hiện hương ước.

2. Bàn biện pháp thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ do ủy ban nhân dân xã giao và thực hiện nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước.

3. Thực hiện *Quy chế dân chủ ở cơ sở*.

4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn.

Các hoạt động của thôn được thực hiện thông qua hội nghị thôn.

Điều 10: Hội nghị của thôn được tổ chức ba tháng hoặc sáu tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc chủ hộ hay cử tri đại diện hộ. Hội nghị do trưởng thôn triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có ít nhất quá nửa số cử tri hoặc chủ hộ tham dự. Nghị quyết của thôn chỉ có giá trị khi được quá nửa số chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ tán thành và không trái pháp luật.

Điều 11: Tiêu chuẩn trưởng thôn.

Trưởng thôn phải là người có hộ khẩu và cư trú thường xuyên ở thôn, đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác, đạo đức và tư cách tốt, được nhân dân tín nhiệm, bản thân và gia đình gương mẫu, có năng lực và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc của cộng đồng và cấp trên giao.

Điều 12: Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của trưởng thôn:

1. Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn.
2. Tổ chức thực hiện các quyết định của thôn.
3. Tổ chức nhân dân thực hiện tốt quy chế dân chủ.
4. Tổ chức xây dựng và thực hiện hương ước.
5. Bảo đảm đoàn kết, giữ gìn trật tự an toàn trong thôn.
6. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ do ủy ban nhân dân xã giao.
7. Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền xã giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân.
8. Trên cơ sở nghị quyết của hội nghị thôn, ký hợp đồng dịch vụ phục vụ sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn.
9. Được ủy ban nhân dân xã mời dự họp về các vấn đề liên quan. Hằng tháng báo cáo kết

quả công tác với ủy ban nhân dân xã; sáu tháng, cuối năm phải báo cáo công tác và tự phê bình trước hội nghị thôn.

Điều 13: Quy trình bầu trưởng thôn:

1. Toàn thể cử tri hoặc chủ hộ hay cử tri đại diện hộ tham gia bầu trực tiếp trưởng thôn theo hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay. Chủ tịch ủy ban nhân dân xã quyết định ngày tổ chức bầu trưởng thôn và ra quyết định thành lập tổ bầu cử. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm bảo đảm kinh phí, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và giúp đỡ tổ chức tốt hội nghị bầu trưởng thôn.

2. Giới thiệu nhân sự:

a) Căn cứ vào tiêu chuẩn trưởng thôn, sự lãnh đạo của chi bộ thôn hoặc chi bộ xã, ban công tác Mặt trận thôn phối hợp với các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh trong thôn dự kiến giới thiệu người ra ứng cử, sau đó tổ chức họp cử tri để thảo luận tiêu chuẩn, danh sách giới thiệu của ban công tác Mặt trận thôn và những người ứng cử do cử tri giới thiệu hoặc tự ứng cử.

b) Căn cứ danh sách ứng cử tại hội nghị cử tri, trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì cuộc họp thảo luận thống nhất ấn định danh sách ứng cử viên chính thức. Thành phần cuộc họp gồm đại diện lãnh đạo của tổ chức đảng, chi đoàn thanh niên, các chi hội phụ nữ, nông dân,

cựu chiến binh. Danh sách để bầu trưởng thôn phải dư ít nhất một người.

3. Tổ bầu cử:

Tổ bầu cử có không quá bảy thành viên do trưởng ban công tác Mặt trận làm tổ trưởng. Các thành viên khác gồm đại diện của tổ chức đảng và một số đoàn thể như thanh niên, phụ nữ, nông dân và cựu chiến binh của thôn. Tổ bầu cử có nhiệm vụ:

a) Lập và công bố danh sách cử tri tham gia bầu trưởng thôn.

b) Công bố danh sách ứng cử viên.

c) Tổ chức hội nghị bầu trưởng thôn.

d) Công bố kết quả bầu cử.

đ) Báo cáo kết quả hội nghị bầu trưởng thôn và nộp các tài liệu bầu cử cho ủy ban nhân dân xã.

4. Kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử:

a) Trước khi bỏ phiếu, hội nghị bầu ban kiểm phiếu do tổ bầu cử giới thiệu. Ban kiểm phiếu có ba người.

b) Kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu. Ban kiểm phiếu lập biên bản kết quả bỏ phiếu, bàn giao biên bản và phiếu bầu cho tổ trưởng tổ bầu cử.

c) Tổ trưởng tổ bầu cử công bố kết quả bầu cho từng người và người trúng cử trưởng thôn. Người trúng cử trưởng thôn là người có số phiếu

bầu hợp lệ trên 50% số cử tri tham gia bầu cử. Kết quả bầu cử chỉ có giá trị khi có ít nhất 50% số cử tri trong danh sách tham gia bỏ phiếu.

5. Căn cứ biên bản kết quả kiểm phiếu và báo cáo kết quả hội nghị bầu trưởng thôn, chủ tịch ủy ban nhân dân xã xem xét ra quyết định công nhận người trúng cử trưởng thôn. Trưởng thôn chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của chủ tịch ủy ban nhân dân xã.

6. Kinh phí bầu cử do ngân sách xã cấp.

Trong trường hợp số cử tri tham gia bỏ phiếu dưới 50% và trong trường hợp vi phạm các quy định về bầu cử trưởng thôn tại khoản 2, 3, 4 Điều này thì phải tổ chức bầu lại. Ngày tổ chức bầu lại do chủ tịch ủy ban nhân dân xã quyết định. Trường hợp bầu cử lại lần thứ hai cũng không đạt kết quả, chủ tịch ủy ban nhân dân xã chỉ định trưởng thôn lâm thời trong số những người ứng cử chính thức để hoạt động cho đến khi bầu được trưởng thôn mới.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ DÂN PHỐ

Điều 14: Việc thành lập tổ dân phố mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập tổ dân phố) do ủy ban nhân dân phường, thị trấn lập phương án, trình hội đồng nhân dân cùng cấp

thông qua và trình chủ tịch ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp xem xét quyết định. Quy mô một tổ dân phố được thành lập mới có từ 70 hộ trở lên.

Điều 15: Hoạt động của tổ dân phố, hội nghị tổ dân phố, tiêu chuẩn và việc bầu cử tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện theo Điều 9, 10, 11, 13 của Quy chế này.

Điều 16: Nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của tổ trưởng tổ dân phố:

1. Triệu tập và chủ trì hội nghị tổ dân phố để bàn và tổ chức thực hiện các quyết định của tổ dân phố về giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; tu sửa, xây dựng cơ sở hạ tầng ngõ phố và vệ sinh môi trường; xây dựng đời sống văn hóa, đoàn kết giúp đỡ nhau trong đời sống và sản xuất; thực hiện tốt các nhiệm vụ do ủy ban nhân dân phường, thị trấn giao.

2. Vận động và tổ chức nhân dân thực hiện tốt Quy chế dân chủ.

3. Tổ chức và thực hiện quy ước ở tổ dân phố.

4. Tập hợp ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân để phản ánh và đề nghị ủy ban nhân dân phường, thị trấn giải quyết.

5. Được ủy ban nhân dân phường, thị trấn mời dự họp về các vấn đề liên quan. Hằng tháng báo cáo kết quả công tác với ủy ban nhân dân

phường, thị trấn, sáu tháng, cuối năm phải báo cáo công tác và tự kiểm điểm trước hội nghị tổ dân phố.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ những quy định tại Quy chế này, quy định cụ thể cho phù hợp tình hình thực tế ở địa phương.

Điều 18: Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 19: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương liên quan tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung liên quan quy định tại Quy chế này.

Điều 20: Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, báo cáo về Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

ĐỖ QUANG TRUNG

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2005

Số: 01/2005/TTLT/

BTTUBTWMTTQVN-BNV

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung ngày 16-12- 2002;

Căn cứ Quy trình bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố của *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* (ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

Để thực hiện thống nhất các quy định về quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, Bộ Nội vụ và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn một số điểm sau đây:

I- NGUYÊN TẮC CHUNG CỦA VIỆC BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Việc tổ chức bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ

dân phố (sau đây gọi chung là trưởng thôn); việc xem xét đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh trưởng thôn phải thực sự dân chủ, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân, bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng.

II- QUY TRÌNH BẦU TRƯỞNG THÔN

A. Công tác chuẩn bị

1. Chậm nhất 30 ngày trước ngày bầu cử chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) ra quyết định công bố ngày bầu cử trưởng thôn và thành lập tổ bầu cử.

2. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp xây dựng kế hoạch bầu cử, hướng dẫn nghiệp vụ và giúp đỡ tổ chức hội nghị bầu cử.

3. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã chủ trì, phối hợp với chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch bầu cử.

- Thành phần hội nghị:

Trưởng thôn (hoặc trưởng thôn lâm thời), bí thư chi bộ thôn, trưởng ban công tác Mặt trận, bí thư chi đoàn thanh niên, chi hội trưởng chi hội phụ nữ, chi hội trưởng chi hội nông dân, chi

hội trưởng chi hội cựu chiến binh, chi hội trưởng chi hội người cao tuổi thôn và một số đoàn viên, hội viên thuộc các chi hội đoàn thể nêu trên nếu thấy cần thiết.

- Nội dung hội nghị:

+ Đại diện ủy ban nhân dân cấp xã công bố quyết định của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã về ngày bầu cử và thành lập tổ bầu cử.

+ Đại diện ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến kế hoạch bầu cử, nhiệm vụ của tổ bầu cử, trách nhiệm của trưởng thôn, các điều kiện bảo đảm cho công tác bầu cử.

+ Đại diện ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã phổ biến công tác hiệp thương giới thiệu người ứng cử trưởng thôn, việc bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả và báo cáo kết quả bầu cử công tác tuyên truyền, vận động nhân dân đi bầu cử.

+ Hội nghị thảo luận và quán triệt công tác bầu cử.

+ Kết luận hội nghị của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã.

B. Công tác hiệp thương

Bước một: Dự kiến danh sách người ứng cử.

1. Căn cứ tiêu chuẩn trưởng thôn (quy định tại Điều 11 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố*) trưởng ban công tác Mặt

trận báo cáo với chi bộ về dự kiến giới thiệu người ứng cử trưởng thôn và kế hoạch tổ chức bầu trưởng thôn.

2. Ban công tác Mặt trận họp dự kiến giới thiệu người ứng cử.

a) Thành phần hội nghị:

Trưởng ban công tác Mặt trận triệu tập và chủ tọa hội nghị gồm toàn bộ các thành viên của ban công tác Mặt trận.

b) Nội dung, thủ tục, trình tự:

- Giới thiệu mục đích, yêu cầu hội nghị và đọc quyết định của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã về ngày bầu cử và thành lập tổ bầu cử.

- Giới thiệu tiêu chuẩn trưởng thôn (theo quy định tại Điều 11 Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố).

- Trưởng ban công tác Mặt trận nêu dự kiến giới thiệu người ứng cử (có thể giới thiệu từ 1 đến 2 người).

- Hội nghị thảo luận, nhận xét người được dự kiến.

- Trưởng ban công tác Mặt trận kết luận ý kiến của hội nghị nhận xét người được dự kiến.

- Hội nghị lập biên bản ghi rõ số người được triệu tập, số người có mặt, nội dung hội nghị, ý kiến nhận xét của hội nghị về người được dự kiến giới thiệu ứng cử (theo Mẫu số 1).

Bước hai: Tổ chức hội nghị cử tri để thảo

luận tiêu chuẩn và danh sách những người ứng cử.

1. Thành phần hội nghị:

- Toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ;
- Toàn thể thành viên của ban công tác

Mặt trận;

- Trưởng thôn, phó trưởng thôn; tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố.

Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn mời cử tri họp. Ở thôn, tổ dân phố có từ 100 hộ trở xuống thì họp toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ. Hội nghị chỉ được tiến hành khi có quá nửa số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ dự họp. Nơi có trên 100 hộ thì không nhất thiết họp toàn thể, mà tổ chức hội nghị đại biểu cử tri là đại diện hộ ở các tổ liên gia hoặc tổ nhân dân tự quản hoặc của các xóm, đội sản xuất, nhưng phải mời ít nhất là đại diện của 50% số hộ trong thôn dự hội nghị. Hội nghị chỉ được tiến hành khi có quá nửa số cử tri thuộc thành phần mời họp tham dự.

Trưởng ban công tác Mặt trận gửi giấy mời đến các thành phần dự hội nghị nêu trên và mời đại diện ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã.

Trưởng thôn, bí thư chi bộ, trưởng ban công tác Mặt trận chủ tọa hội nghị cử tri.

2. Nội dung, thủ tục, trình tự:

a) Trưởng ban công tác Mặt trận tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu dự hội nghị.

b) Trưởng ban công tác Mặt trận giới thiệu thư ký hội nghị và phải được đa số cử tri dự hội nghị biểu quyết giơ tay tán thành.

c) Trưởng thôn công bố quyết định của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã về ngày bầu cử và thành lập tổ bầu cử.

d) Trưởng thôn báo cáo công tác nhiệm kỳ qua và tự phê bình trước hội nghị cử tri.

đ) Trưởng ban công tác Mặt trận đọc tiêu chuẩn trưởng thôn và giới thiệu danh sách dự kiến người ra ứng cử trưởng thôn của ban công tác Mặt trận.

e) Hội nghị thảo luận danh sách những người được ban công tác Mặt trận dự kiến giới thiệu. Cử tri có thể giới thiệu người ứng cử hoặc tự ứng cử.

g) Hội nghị thảo luận và quyết định thành phần cử tri bầu trưởng thôn (toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ).

h) Thông qua biên bản hội nghị cử tri (theo Mẫu số 2).

i) Trưởng thôn kết thúc hội nghị để ban công tác Mặt trận họp ấn định danh sách người ứng cử.

Bước ba: Tổ chức hội nghị ban công tác Mặt

trận để ấn định danh sách chính thức những người ứng cử.

1. Thành phần hội nghị:

Trưởng ban công tác Mặt trận triệu tập và chủ tọa hội nghị bao gồm: đại diện lãnh đạo tổ chức cơ sở đảng, chi đoàn thanh niên, chi hội phụ nữ, chi hội nông dân, chi hội cựu chiến binh, chi hội người cao tuổi.

2. Nội dung, thủ tục, trình tự:

- Trưởng ban công tác Mặt trận nêu mục đích hội nghị và giới thiệu đại biểu; sau đó đọc danh sách những người được ban công tác Mặt trận và cử tri giới thiệu, người tự ứng cử (nếu có).

- Hội nghị căn cứ vào tiêu chuẩn trưởng thôn để thảo luận và ấn định danh sách chính thức những người ứng cử trưởng thôn. Số người ứng cử phải ít nhất là hai người để cử tri lựa chọn bầu một người.

- Hội nghị lập biên bản ghi rõ thành phần hội nghị, tổng số người được triệu tập, số người có mặt, nội dung hội nghị, diễn biến hội nghị và thỏa thuận cuối cùng của hội nghị lập danh sách chính thức những người ứng cử trưởng thôn (theo Mẫu số 3). Danh sách những người ứng cử trưởng thôn được niêm yết công khai bảy ngày trước ngày tổ chức bầu cử (theo Mẫu số 4).

C. Công tác bầu cử

Căn cứ quyết định của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã thành lập tổ bầu cử và quyết định nhiệm vụ của tổ bầu cử, tổ trưởng tổ bầu cử chỉ đạo công việc bầu cử theo quy định tại Mục 3, Mục 4 Điều 13 của *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* (ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

1. Thành phần cử tri và hình thức bầu cử:

Thành phần cử tri bầu trưởng thôn là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ do hội nghị cử tri quyết định tại cuộc họp cử tri quy định tại điểm h, bước hai, Mục B, Phần II của Thông tư này.

Việc bầu cử có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Nếu thôn, bản, ấp, tổ dân phố có từ 100 hộ trở xuống thì có thể bầu cử bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định; có trên 100 hộ thì bầu cử bằng hình thức bỏ phiếu kín.

2. Trình tự bầu cử:

2.1. Nếu bầu bằng hình thức giơ tay, thì hội nghị cử tri ba người trực tiếp đếm số phiếu.

2.2. Nếu bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín: hội nghị cử tri bầu ban kiểm phiếu từ 3 đến 5 người do tổ trưởng tổ bầu cử giới thiệu trong số những người không ứng cử trưởng thôn.

a) Tổ bầu cử chuẩn bị hòm phiếu, phiếu bầu có đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã. Trên phiếu bầu ghi rõ họ, tên những người ứng cử. Khi bầu cử, cử tri chỉ được lựa chọn một ứng cử viên trong danh sách ứng cử (không gạch họ tên người được lựa chọn) và gạch họ, tên những người mà cử tri không tín nhiệm. Nếu ở địa phương nào không có điều kiện in phiếu bầu thì cử tri tín nhiệm người nào trong danh sách người ứng cử trưởng thôn do ban công tác Mặt trận ấn định thì ghi rõ họ và tên người đó vào phiếu bầu để trống đã có đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã.

b) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu. Trước khi ban kiểm phiếu mở hòm phiếu, tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản niêm phong số phiếu bầu không sử dụng đến và mời hai cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu. Tổ bầu cử có quyền chứng kiến việc kiểm phiếu.

Những phiếu sau đây là không hợp lệ:

- Phiếu bầu không phải là phiếu theo mẫu của tổ bầu cử phát ra.

- Phiếu không có dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã.

- Phiếu để số người được bầu là hai người trở lên.

- Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử.

- Phiếu ghi tên người ngoài danh sách ứng cử hoặc phiếu có viết thêm.

c) Kiểm phiếu xong, ban kiểm phiếu bàn giao biên bản kiểm phiếu (theo Mẫu số 5) và phiếu bầu cho tổ trưởng tổ bầu cử. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ:

- Tổng số cử tri của thôn theo thành phần toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ.

- Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu.

- Số phiếu phát ra.

- Số phiếu thu vào.

- Số phiếu hợp lệ.

- Số phiếu không hợp lệ.

- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử.

Người trúng cử trưởng thôn là người được quá nửa số phiếu bầu hợp lệ và được nhiều phiếu hơn.

Kết quả bầu cử chỉ có giá trị khi có ít nhất quá nửa số cử tri trong danh sách tham gia bỏ phiếu.

Biên bản kiểm phiếu lập thành ba bản, có chữ ký của các thành viên ban kiểm phiếu và hai người chứng kiến việc kiểm phiếu để gửi đến chủ tịch ủy ban nhân dân, chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và tổ trưởng tổ bầu cử giữ một bản.

d) Thông qua biên bản kiểm phiếu.

Trường hợp số cử tri tham gia bỏ phiếu chưa được quá nửa số cử tri ghi trong danh sách hoặc

vi phạm các quy định về bầu cử thì phải tổ chức bầu lại. Ngày bầu cử lại do chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu. Nếu bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được trưởng thôn thì chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử trưởng thôn lâm thời trong số những người ứng cử chính thức để hoạt động cho đến khi bầu được trưởng thôn mới.

D. Công nhận kết quả bầu cử

Căn cứ biên bản kết quả kiểm phiếu và báo cáo kết quả hội nghị bầu trưởng thôn của tổ bầu cử, chậm nhất không quá 5 ngày làm việc, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra quyết định công nhận người trúng cử trưởng thôn hoặc quyết định bầu cử lại. Trưởng thôn chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

III- QUY TRÌNH XEM XÉT MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG THÔN

1. Quy trình miễn nhiệm trưởng thôn

1.1. Các trường hợp miễn nhiệm trưởng thôn

Trưởng thôn có thể được miễn nhiệm chức danh trưởng thôn do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác.

1.2. Thủ tục, trình tự miễn nhiệm

a) Người xin miễn nhiệm phải có đơn, trong đó nêu rõ lý do của việc xin miễn chức danh trưởng thôn gửi chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã và trưởng ban công tác Mặt trận thôn. Trường hợp trưởng thôn được điều động làm công tác khác thì không cần có đơn xin miễn nhiệm.

b) Việc miễn nhiệm trưởng thôn được thực hiện theo một trong hai hình thức sau đây:

- Tổ chức hội nghị cử tri ở thôn, tổ dân phố để bỏ phiếu miễn nhiệm. Trình tự thủ tục miễn nhiệm được áp dụng tương tự như quy trình bãi nhiệm trưởng thôn quy định tại tiết d, đ, e, g, điểm 2.2 Mục 2 Phần III của Thông tư này.

- Ban công tác Mặt trận họp xem xét, thống nhất việc miễn nhiệm trưởng thôn và làm văn bản đề nghị miễn nhiệm kèm theo biên bản họp ban công tác Mặt trận gửi chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Chậm nhất là năm ngày kể từ ngày nhận được các văn bản nêu trên, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét ra quyết định miễn nhiệm chức danh trưởng thôn.

Việc bầu trưởng thôn mới phải được tiến hành trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định miễn nhiệm chức danh trưởng thôn.

2. Quy trình bãi nhiệm trưởng thôn

2.1. Các trường hợp bãi nhiệm

Trưởng thôn khi không còn được nhân dân tín nhiệm, trưởng thôn không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của ủy ban nhân dân cấp xã, vi phạm pháp luật và các quy định của cấp trên thì có thể bị cử tri bãi nhiệm theo đề nghị của ban công tác Mặt trận thôn.

2.2. Thủ tục, trình tự bãi nhiệm

a) Bản tự kiểm điểm của trưởng thôn trong đó nêu rõ khuyết điểm, nguyên nhân khách quan, chủ quan và tự nhận hình thức kỷ luật gửi chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã và trưởng ban công tác Mặt trận thôn.

b) Ban công tác Mặt trận họp bỏ phiếu tín nhiệm trưởng thôn theo hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Thông tri số 06 ngày 25-1-2005).

c) Nếu phiếu tín nhiệm thấp dưới 50% thì ban công tác Mặt trận làm văn bản đề nghị tổ chức hội nghị cử tri thôn xem xét bãi nhiệm chức danh trưởng thôn kèm theo biên bản bỏ phiếu tín nhiệm trưởng thôn gửi chủ tịch ủy ban nhân dân và chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã.

d) Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ văn bản đề nghị của ban công tác Mặt trận để ra quyết định tổ chức ngày bỏ phiếu bãi nhiệm chức danh trưởng thôn và thành lập ban tổ chức bãi nhiệm do trưởng ban công tác Mặt trận làm trưởng ban và các thành viên là đại diện của tổ chức Đảng và đại diện một số đoàn thể như Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh, Người cao tuổi của thôn. Nhiệm vụ của ban tổ chức bãi nhiệm áp dụng nhiệm vụ của tổ bầu cử trưởng thôn. Thành phần cử tri bãi nhiệm áp dụng như thành phần cử tri bầu trưởng thôn.

đ) Hình thức bãi nhiệm phải tổ chức bỏ phiếu kín, phiếu ghi rõ họ và tên trưởng thôn, đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã. Cử tri đồng ý bãi nhiệm chức danh trưởng thôn thì gạch ngang họ và tên người đó. Nếu không đồng ý bãi nhiệm thì để nguyên phiếu.

e) Việc thành lập ban kiểm phiếu, thủ tục bỏ phiếu, kiểm phiếu, giá trị pháp lý của số phiếu bãi nhiệm áp dụng theo quy định tại mục C, Phần II - Công tác bầu cử tại Thông tư này.

g) Chậm nhất là năm ngày kể từ ngày nhận được biên bản kiểm phiếu và báo cáo kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm chức danh trưởng thôn của trưởng ban công tác Mặt trận; chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét ra quyết định

công nhận kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm chức danh trưởng thôn.

Việc bầu trưởng thôn mới phải được tiến hành trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm.

IV- HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần được giải thích hoặc hướng dẫn bổ sung, thì ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh phản ánh cho Bộ Nội vụ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để giải quyết.

3. Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Nội vụ, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp ở địa phương, ban công tác Mặt trận có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

TM. BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN
TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC
VIỆT NAM

Thứ trưởng

Phó Chủ tịch

ĐẶNG QUỐC TIẾN

ĐỖ DUY THƯỜNG

ỦY BAN MTTQ XÃ,
PHƯỜNG, THỊ TRẤN...
BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... (1), ngày... tháng... năm 20...

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ BAN CÔNG TÁC
MẶT TRẬN DỰ KIẾN NGƯỜI ỨNG CỬ
TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG
TỔ DÂN PHỐ**

Hội..... giờ..... ngày.... tháng.... năm 20....,
tại (2).....

Ban công tác Mặt trận thôn, ấp, bản, khu
phố (cụm, miền)..... họp để thảo
luận, giới thiệu người để đưa ra hội nghị cử tri
của thôn, ấp, bản, tổ dân phố giới thiệu người
ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

1. Tổng số người được triệu tập:..... người.
- Số người có mặt:..... người,
vắng..... người có lý do.

- Chủ tọa hội nghị:
- Thư ký hội nghị:.....

2. Hội nghị tiến hành với nội dung như sau:

- Nghe thông báo quyết định của chủ tịch ủy
ban nhân dân xã về ngày bầu cử trưởng thôn, tổ
trưởng dân phố và thành lập tổ bầu cử.

- Nghe ông (bà)

Trưởng ban công tác Mặt trận nêu dự kiến người ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

- Căn cứ tiêu chuẩn trưởng thôn và điều kiện ứng cử theo quy định tại Điều 11 *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố*, hội nghị thảo luận, nhận xét đối với những người được giới thiệu ứng cử.

Hội nghị nhất trí dự kiến các ông (bà) có tên sau đây để đưa ra hội nghị cử tri của thôn, tổ dân phố thảo luận:

1.

2.

Hội nghị kết thúc hồi..... giờ.....

THƯ KÝ HỘI NGHỊ

(Ký tên)

(Ghi rõ họ và tên)

CHỦ TỌA HỘI NGHỊ

(Ký tên)

(Ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ tên thôn, làng, ấp, bản, khu phố.

(2) Địa điểm tổ chức hội nghị.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....(1) ngày... tháng... năm 20...

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỬ TRI GIỚI THIỆU
NGƯỜI ỨNG CỬ TRƯỞNG THÔN,
TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ**

Hội..... giờ..... ngày... tháng... năm 20...;
thôn, tổ dân phố (1)..... đã tiến hành hội
nghị giới thiệu người ứng cử trưởng thôn, tổ
trưởng tổ dân phố.

1. Thành phần đại biểu được triệu tập gồm (2):

+

+

- Tổng số người được triệu tập:.....

- Tổng số người có mặt:

- Họ và tên, chức vụ người chủ tọa hội nghị:

.....

- Họ và tên, chức vụ thư ký hội nghị:.....

.....

2. Hội nghị tiến hành với chương trình nội
dung như sau:

-

- (Ghi diễn biến hội nghị với

tùng nội dung theo hướng dẫn) tại điểm 2, bước hai, Mục B, Phần II của Thông tư này).

-

- Hội nghị kết thúc hồi..... giờ.....

THƯ KÝ HỘI NGHỊ

(Ký tên)

(Ghi rõ họ và tên)

CHỦ TỌA HỘI NGHỊ

(Ký tên)

(Ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

(1) Tên thôn, tổ dân phố.

(2) Ghi thành phần đại biểu được triệu tập theo quy định tại điểm 1, bước hai, Mục B, Phần II của Thông tư này.

ỦY BAN MTTQ XÃ,
PHƯỜNG, THỊ TRẤN...
BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... (1), ngày... tháng... năm 20...

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ BAN CÔNG TÁC
MẶT TRẬN ẤN ĐỊNH DANH SÁCH
CHÍNH THỨC NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ
TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG
TỔ DÂN PHỐ**

Hội..... giờ..... ngày... tháng... năm 20...,
tại (2)..... Ban công tác Mặt trận
thôn, ấp khu phố (cụm, miền).....
tiến hành hội nghị ban công tác Mặt trận ấn
định danh sách chính thức những người ứng cử
trưởng thôn để đưa ra hội nghị cử tri của thôn,
tổ dân phố bầu làm trưởng thôn, tổ trưởng tổ
dân phố.

1. Thành phần Hội nghị:

- Tổng số người được triệu tập:.....
người.

- Số người có mặt:..... người, vắng.....
người có lý do.

2. Hội nghị tiến hành với nội dung như sau:

- Nghe ông (bà).....Trưởng ban công tác Mặt trận đọc danh sách những người được ban công tác Mặt trận và cử tri giới thiệu, người tự ứng cử (nếu có) trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

- Căn cứ tiêu chuẩn trưởng thôn và điều kiện ứng cử theo quy định tại Điều 11, *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố*, hội nghị thảo luận, nhận xét và ấn định danh sách chính thức những người ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố để cử tri của thôn, tổ dân phố bầu (có danh sách trích ngang kèm theo) (3):

1. (Ghi họ tên

2. từng người)

Hội nghị kết thúc hồi..... giờ.....

THƯ KÝ HỘI NGHỊ

(Ký tên)

(Ghi rõ họ và tên)

CHỦ TỌA HỘI NGHỊ

(Ký tên)

(Ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ tên thôn, làng, ấp, bản, khu phố.

(2) Địa điểm tổ chức hội nghị.

(3) Danh sách trích ngang theo Mẫu số 04.

BAN CÔNG TÁC
MẶT TRẬN.....(1)

D
NHỮNG NGƯỜI
TỔ TRƯỞNG

(Kèm theo biên bản hội nghị của Ban
những người ứng cử trưởng t

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam, nữ	Quê quán	N
1	2	3	4	5	6

Ghi chú:
(1) Tên Ban công tác Mặt trận.
Cột 9: Trình độ phổ thông; học hàm học vị.
* Đóng dấu treo của Ủy ban Mặt trận T

Mẫu số 4/BTT

TRƯỜNG THÔN,
LƯU PHỔ

trận ấn định danh sách chính thức
g tổ dân phố theo Mẫu số 3)

Trình độ học vấn	Trình độ chuyên môn nghịệp vụ	Trình độ chính trị	Nghề nghịệp	Đảng viên	Ghi chú
9	10	11	12	13	14

TM. BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN

(Ký tên)

(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

hất (nếu có).
ở trên góc trái.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU TRƯỞNG
THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ**

Ngày... tháng... năm 20..., hồi... giờ... phút.
Ban kiểm phiếu bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố (1)..... gồm các ông, bà có tên sau đây:

1. Ông, bà..... - Tổ trưởng
2. Ông, bà..... - Thư ký
3. Ông, bà..... - Tổ viên

đã tiến hành kiểm phiếu bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Trước khi ban kiểm phiếu mở hòm phiếu, tổ trưởng tổ bầu cử tuyên bố kết thúc việc bỏ phiếu và mời hai cử tri, không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu là:

1. Ông, bà..... Nơi cư trú:
(nơi ở hiện nay).....
2. Ông, bà..... Nơi cư trú:
(nơi ở hiện nay).....

Kết quả kiểm phiếu như sau:

- Tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ của thôn, tổ dân phố có..... người.
- Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu..... người, =% tổng số cử tri.

Vắng..... người có lý do

- Số phiếu phát ra: phiếu
- Số phiếu thu về: phiếu
- Số phiếu hợp lệ: phiếu
- Số phiếu không hợp lệ: phiếu
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử như sau:

1. Ông, bà..... được
phiếu; =%

2. Ông, bà..... được
phiếu; =%

Biên bản kiểm phiếu lập thành ba bản, có chữ ký của các thành viên ban kiểm phiếu và hai người chứng kiến việc kiểm phiếu để gửi đến chủ tịch ủy ban nhân dân, chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và tổ trưởng tổ bầu cử giữ một bản.

HAI CỬ TRI CHỨNG KIẾN
VIỆC KIỂM PHIẾU

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

CÁC THÀNH VIÊN
BAN KIỂM PHIẾU

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ tên thôn, tổ dân phố.

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2008

Số: 09/2008/NQLT/CP-
BTTUBTWMTTQVN

NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH
Hướng dẫn thi hành các điều 11, 14, 16, 22
và 26 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã,
phường, thị trấn
(Trích)

Chương I

HÌNH THỨC ĐỂ NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH
TRỰC TIẾP HOẶC BIỂU QUYẾT ĐỂ CẤP
CÓ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH
*(Hướng dẫn Điều 11, Điều 14 của Pháp lệnh
thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn)*

Điều 1: Thẩm quyền lựa chọn hình thức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định.

1. Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố:

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố quyết định lựa chọn một trong các hình thức tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại

diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình quy định tại Điều 11 và Điều 14 của *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn* để đưa ra nhân dân ở thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố, trừ việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

2. Đối với các công việc trong phạm vi xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định lựa chọn một trong các hình thức tổ chức họp thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình quy định tại Điều 11 và Điều 14 của *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn* để đưa ra nhân dân toàn cấp xã bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định các công việc trong phạm vi toàn cấp xã.

Điều 2: Tổ chức họp thôn, tổ dân phố để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định.

1. Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố:

a) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức họp thôn, tổ dân phố, trừ cuộc họp để bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Cuộc họp của thôn, tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

Trường hợp thôn, tổ dân phố có trên 200 hộ gia đình, có địa bàn dân cư sống không tập trung thì có thể tổ chức các cuộc họp theo từng cụm dân cư. Mỗi cụm dân cư có từ 70 đến 150 hộ gia đình. Cuộc họp của mỗi cụm dân cư được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong cụm dân cư tham dự. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổng hợp kết quả cuộc họp ở từng cụm dân cư vào kết quả chung của toàn thôn, tổ dân phố.

b) Trình tự tổ chức cuộc họp được thực hiện như sau:

- Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người đề cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký.

- Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trình bày những nội dung cần đưa ra để cuộc họp xem xét.

- Những người tham gia cuộc họp thảo luận.
- Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổng hợp chung các ý kiến của những người tham gia cuộc họp; đề xuất phương án biểu quyết. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do cuộc họp quyết định.

c) Nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì kết quả cuộc họp có giá trị thi hành. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lập biên bản và thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về kết quả cuộc họp.

d) Trường hợp không được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổ chức lại cuộc họp. Việc tổ chức lại cuộc họp thực hiện theo khoản 1, Điều 3 của Hướng dẫn này.

2. Đối với các công việc trong phạm vi toàn cấp xã:

a) Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chỉ đạo trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức họp thôn, tổ dân phố.

b) Trình tự tổ chức cuộc họp tại các thôn, tổ dân phố thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố sau khi tổng hợp kết quả cuộc họp ở thôn, tổ dân phố, gửi kết quả đến chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã để tổng hợp kết quả chung toàn cấp xã.

d) Trên cơ sở tổng hợp kết quả các cuộc họp từ các thôn, tổ dân phố, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì kết quả cuộc họp ở toàn cấp xã có giá trị thi hành. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản xác nhận kết quả họp của toàn cấp xã và thông báo bằng văn bản đến các trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

đ) Trường hợp không được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lại cuộc họp. Việc tổ chức lại cuộc họp thực hiện theo khoản 2, Điều 3 của Hướng dẫn này.

Điều 3: Tổ chức lại cuộc họp thôn, tổ dân phố để bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định.

1. Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố:

a) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức lại cuộc họp để tiếp tục bàn và

quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định nội dung công việc mà cuộc họp trước đó chưa tán thành. Thời gian tổ chức lại cuộc họp chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày tổ chức cuộc họp trước đó.

b) Trình tự tổ chức lại cuộc họp thực hiện như trình tự tổ chức họp thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1, Điều 2 của Hướng dẫn này.

c) Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp hoặc tổ chức lại mà kết quả vẫn chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình không dự họp để tổng hợp chung vào kết quả của cuộc họp liên trước đó. Việc kết hợp tổ chức họp thôn, tổ dân phố với tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2, Điều 5 của Hướng dẫn này.

2. Đối với các công việc trong phạm vi toàn cấp xã:

a) Sau khi tổng hợp kết quả cuộc họp ở tất cả thôn, tổ dân phố trong toàn cấp xã mà chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu tổ chức lại

cuộc họp ở những thôn, tổ dân phố chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành.

b) Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp hoặc tổ chức lại mà kết quả tổng hợp vẫn chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì tiến hành phát phiếu lấy ý kiến những cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình không tham dự họp để tổng hợp chung vào kết quả cuộc họp ở các thôn, tổ dân phố. Việc kết hợp tổ chức họp thôn, tổ dân phố với tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2, Điều 5 của Hướng dẫn này.

Điều 4: Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định.

1. Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố:

a) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình để bàn các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố, trừ việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

b) Trình tự tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được thực hiện như sau:

- Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến; thành lập tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 3 đến 5 người.

- Tổ phát phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình để phát phiếu cho cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; tiến hành lấy phiếu của các cử tri đã góp ý và tổng hợp kết quả lấy ý kiến.

c) Nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì kết quả lấy ý kiến có giá trị thi hành. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lập biên bản xác nhận và thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về kết quả lấy ý kiến.

2. Đối với các công việc trong phạm vi toàn cấp xã:

- a) Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chỉ đạo các trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trên địa bàn từng thôn, tổ dân phố.

b) Trình tự tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thực hiện như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

c) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố sau khi tổng hợp kết quả phiếu lấy ý kiến ở thôn, tổ dân phố, gửi kết quả cho chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã để tổng hợp kết quả chung toàn cấp xã.

d) Nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì kết quả lấy ý kiến có giá trị thi hành. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản xác nhận kết quả và thông báo bằng văn bản đến trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

Điều 5: Kết hợp tổ chức họp thôn, tổ dân phố với tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp.

1. Việc kết hợp tổ chức họp thôn, tổ dân phố với tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp chỉ áp dụng khi không tổ chức lại được cuộc họp hoặc sau khi đã tiến hành tổ chức lại cuộc họp mà kết quả vẫn chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành đối với các nội dung quy định tại Điều 10, khoản 1 và khoản 3, Điều 13 của *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*.

2. Trình tự kết hợp tổ chức hợp thôn, tổ dân phố với tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp được thực hiện như sau:

a) Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố

Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp hoặc sau khi đã tiến hành tổ chức lại cuộc họp thôn, tổ dân phố mà kết quả vẫn chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của những cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình không tham dự cuộc họp để tổng hợp chung vào kết quả của cuộc họp liền trước đó.

Trên cơ sở tổng hợp kết quả cuộc họp và kết quả lấy ý kiến những cử tri không dự họp, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì có giá trị thi hành. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lập biên bản xác nhận kết quả kết hợp giữa cuộc họp với phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không dự họp và thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

b) Đối với các công việc trong phạm vi toàn cấp xã

Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp hoặc sau khi đã tiến hành tổ chức lại cuộc họp tại các thôn, tổ dân phố chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành theo quy định tại khoản 2, Điều 3 của Hướng dẫn này mà kết quả tổng hợp vẫn chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp. Việc tổ chức lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp được tiến hành ở tất cả thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp chung kết quả cuộc họp liên trước đó với kết quả lấy ý kiến những cử tri không tham dự họp ở tất cả các thôn, tổ dân phố, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì có giá trị thi hành.

Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản xác nhận kết quả và thông báo đến các trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

Chương II

QUY TRÌNH BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM
TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ
*(Hướng dẫn khoản 2, Điều 16 của Pháp lệnh
thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn)*

Mục 1

QUY TRÌNH BẦU TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 6: Công tác chuẩn bị hội nghị bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

2. Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo với chi ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất danh sách người ra ứng cử (từ 1 đến 2 người).

3. Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập tổ bầu cử (gồm tổ trưởng là trưởng

ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố; thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn, tổ dân phố); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, tổ dân phố chậm nhất bảy ngày trước ngày bầu cử.

Điều 7: Tổ chức bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Tuỳ theo điều kiện của từng địa phương mà việc bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có thể tổ chức kết hợp tại hội nghị thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức thành cuộc bầu cử riêng.

Trường hợp tổ chức thành cuộc bầu cử riêng, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn quy trình, thủ tục của cuộc bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố ở địa phương mình phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 8: Bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tại hội nghị thôn, tổ dân phố.

1. Tổ trưởng tổ bầu cử chủ trì hội nghị bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Hội nghị bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri

hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

2. Việc bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Tổ trưởng tổ bầu cử đọc quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử.

b) Tổ trưởng tổ bầu cử quyết định việc đề trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố đương nhiệm báo cáo kết quả công tác nhiệm kỳ vừa qua trước hội nghị cử tri; hội nghị cử tri thảo luận về công tác nhiệm kỳ vừa qua của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

c) Tổ trưởng tổ bầu cử nêu tiêu chuẩn của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

d) Đại diện ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ra ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử và chi uỷ chi bộ thôn, tổ dân phố thống nhất theo quy trình quy định tại khoản 2, Điều 6 của Hướng dẫn này. Tại hội nghị này, cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử.

đ) Hội nghị thảo luận, cho ý kiến về những người ứng cử. Trên cơ sở các ý kiến của cử tri, tổ bầu cử ấn định danh sách những người ứng cử để hội nghị biểu quyết. Việc biểu quyết số lượng

và danh sách những người ứng cử được thực hiện bằng hình thức giơ tay và có giá trị khi có trên 50% số cử tri tham dự hội nghị tán thành.

e) Tiến hành bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố:

- Việc bầu cử có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định.

- Nếu bầu bằng hình thức giơ tay, tổ bầu cử trực tiếp đếm số biểu quyết. Nếu bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín, tổ bầu cử làm nhiệm vụ kiểm phiếu.

- Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu; mỗi đại diện cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu.

Kiểm phiếu xong, tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố; số cử tri tham gia hội nghị; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình toàn thôn, tổ dân phố.

Người trúng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố.

Biên bản kiểm phiếu lập thành ba bản có chữ ký của các thành viên tổ bầu cử.

g) Tổ trưởng tổ bầu cử lập báo cáo kết quả bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, kèm theo biên bản kiểm phiếu gửi ngay đến ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

3. Trường hợp kết quả bầu không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thì chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới.

Trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới. Quy trình bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và khoản 1, khoản 2, Điều 8 của Hướng dẫn này.

Điều 9: Việc công nhận kết quả bầu cử.

Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ trưởng tổ bầu cử, ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận người trúng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định bầu cử lại; trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của ủy ban nhân dân cấp xã.

Mục 2

**QUY TRÌNH MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM
TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ**

Điều 10: Quy trình miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

1. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có thể được miễn nhiệm do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác.

2. Thủ tục, trình tự tổ chức việc miễn nhiệm:

a) Người xin miễn nhiệm phải có đơn, trong đó nêu rõ lý do của việc xin miễn chức danh trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố gửi chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được điều động làm công tác khác thì không cần có đơn xin miễn nhiệm.

b) Việc miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện tại hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố. Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Hội nghị miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

c) Trình tự hội nghị miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố:

- Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị, nêu lý do, yêu cầu của hội nghị.

- Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trình bày lý do của việc xin miễn nhiệm.

- Hội nghị thảo luận, đánh giá quá trình hoạt động của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

- Hội nghị tiến hành biểu quyết. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ.

- Trường hợp có trên 50% so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thì trưởng

ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố báo cáo ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, miễn nhiệm.

d) Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm chức danh trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tạm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới; trường hợp ủy ban nhân dân cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Quy trình bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Hướng dẫn này.

Điều 11: Quy trình bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

1. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố khi không còn được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của

nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo, điều hành của ủy ban nhân dân cấp xã, vi phạm pháp luật và các quy định của cấp trên thì có thể bị cử tri bãi nhiệm theo đề nghị của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

Trên cơ sở đề nghị của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc của ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị thì ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định tổ chức hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố để xem xét bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Hội nghị bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự. Ngoài số cử tri thuộc thành phần dự hội nghị, trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố mời đại diện ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

cùng cấp tham dự. Khách mời được phát biểu ý kiến, nhưng không được biểu quyết.

2. Trình tự hội nghị bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố:

a) Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tuyên bố lý do, mục đích, yêu cầu của hội nghị.

b) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trình bày bản tự kiểm điểm của mình, trong đó nêu rõ khuyết điểm, nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục. Trường hợp trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không tham dự hội nghị hoặc có tham dự nhưng không trình bày bản tự kiểm điểm thì người đưa ra đề xuất việc bãi nhiệm trình bày những khuyết điểm của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

c) Hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến.

d) Hội nghị biểu quyết việc bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ.

Trường hợp có trên 50% so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, thì trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố lập

biên bản, báo cáo ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, bãi nhiệm.

đ) Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố của trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới; trường hợp ủy ban nhân dân cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Quy trình bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Hướng dẫn này.

Điều 12: Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do ngân sách cấp xã đảm bảo.

Chương III

LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN TRƯỚC KHI CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP TRÊN QUYẾT ĐỊNH NHỮNG VIỆC LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA NHÂN DÂN

*(Hướng dẫn Điều 22 của Pháp lệnh thực hiện
dân chủ ở xã, phường, thị trấn)*

Điều 13: Cơ quan có thẩm quyền cấp trên phải tổ chức lấy ý kiến.

Cơ quan có thẩm quyền cấp trên quy định tại Điều 22 của *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*, bao gồm:

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp (trừ các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị cấp xã).

2. Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, đơn vị khác và cá nhân là chủ đầu tư, ban quản lý dự án các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn.

Điều 14: Trách nhiệm của các cơ quan trong việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân.

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp trên quy định tại Điều 13 của Hướng dẫn này có trách nhiệm lập phương án, kế hoạch để tổ chức lấy ý kiến nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của mình, trong đó nêu rõ mục đích, yêu cầu của việc tổ chức lấy ý kiến,

những nội dung cần lấy ý kiến, cách thức triển khai, thời gian lấy ý kiến và trách nhiệm tổ chức, phối hợp thực hiện; cử đại diện tham gia quá trình tổ chức lấy ý kiến nhân dân.

2. Phương án, kế hoạch, kèm theo các hồ sơ, tài liệu liên quan và nguồn kinh phí phục vụ cho việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân phải được cơ quan tổ chức lấy ý kiến gửi cho ủy ban nhân dân cấp xã ở những địa bàn mà quyết định của cơ quan có thẩm quyền sẽ tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân.

3. Trên cơ sở phương án, kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền, ủy ban nhân dân cấp xã có thể lựa chọn một hoặc đồng thời nhiều hình thức quy định tại Điều 20 của *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn* để tổ chức lấy ý kiến của nhân dân.

4. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm tổ chức việc lấy ý kiến nhân dân theo sự chỉ đạo của ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 15: Tổ chức họp thôn, tổ dân phố để lấy ý kiến nhân dân.

1. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố để tổ chức họp thôn, tổ dân phố lấy ý kiến về những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp thôn, tổ dân phố được thực hiện như sau:

a) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người đề cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký.

b) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trình bày những nội dung cần lấy ý kiến theo hướng dẫn của ủy ban nhân dân cấp xã, của cơ quan có thẩm quyền.

c) Những người tham gia cuộc họp phát biểu ý kiến, kiến nghị của mình về những nội dung đưa ra lấy ý kiến. Người đại diện cho cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm giải trình về những ý kiến của người dự họp. Thư ký cuộc họp ghi đầy đủ các ý kiến, kiến nghị của những người dự họp và ý kiến giải trình của người đại diện cơ quan có thẩm quyền.

Tuỳ theo từng nội dung cụ thể và theo sự hướng dẫn của ủy ban nhân dân cấp xã mà cuộc họp có thể tiến hành việc biểu quyết đồng ý hay không đồng ý về những nội dung đưa ra lấy ý kiến nhân dân.

d) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm tổng hợp tất cả các ý kiến, kiến nghị, kết quả biểu quyết (nếu có) của những người tham gia cuộc họp, báo cáo chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 16: Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến nhân dân.

1. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức việc phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình để cho ý kiến về những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Trình tự tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được thực hiện như sau:

a) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến, chuẩn bị mẫu phiếu lấy ý kiến theo hướng dẫn của ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của cơ quan có thẩm quyền; thành lập tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 3 đến 5 người.

b) Tổ phát phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình để phát phiếu cho cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; tiến hành lấy phiếu của các cử tri đã góp ý và tổng hợp kết quả góp ý.

c) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm tổng hợp tất cả các ý kiến, kiến nghị của những người tham gia vào phiếu lấy ý kiến, báo cáo chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 17: Tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý.

1. Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý; gửi các hồ sơ, tài liệu có liên quan cho trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố để phổ biến các nội dung lấy ý kiến đến nhân dân; hướng dẫn địa điểm các hòm thư để người dân đóng góp ý kiến.

2. Thời gian để tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý ít nhất là 15 ngày liên tục, tính từ ngày niêm yết các nội dung cần lấy ý kiến tại trụ sở hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân cấp xã đến ngày kết thúc việc lấy ý kiến.

3. Trong thời gian tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã phải niêm yết các nội dung cần lấy ý kiến, các hồ sơ, tài liệu liên quan tại trụ sở hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân cấp xã, tuyên truyền, phổ biến trên hệ thống loa truyền thanh. Thời gian niêm yết và phổ biến trên hệ thống truyền thanh thực hiện liên tục trong thời gian tổ chức lấy ý kiến nhân dân.

4. Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp kết quả lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý; lập biên bản xác nhận kết quả và thông báo bằng văn bản đến các trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

Điều 18: Việc tiếp thu các ý kiến đóng góp của nhân dân.

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả lấy ý kiến nhân dân cho cơ quan có thẩm quyền.

2. Cơ quan có thẩm quyền sau khi nhận được báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến nhân dân, phải xem xét tiếp thu và báo cáo kết quả của việc tiếp thu cho ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo đến nhân dân.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định các nội dung quy định tại Điều 19 của *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn* khác với ý kiến đa số của nhân dân đã góp ý thì phải nêu rõ lý do của việc không tiếp thu và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Văn bản giải trình phải gửi cho ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo đến nhân dân.

.....

Số: 135/2005/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25-12-2001;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 9-5-2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 74/2001/QĐ-TTg ngày 7-5-2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2001 - 2005;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này bản *Quy chế bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố*.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3: Bộ trưởng các bộ, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

ĐỖ QUANG TRUNG

QUY CHẾ

Bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố
(Ban hành kèm theo Quyết định số
135/2005/QĐ-BNV ngày 15-12-2005
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Quy chế này quy định về bồi dưỡng đối với trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc... và tổ trưởng tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm... (sau đây gọi chung là trưởng thôn).

Điều 2: Việc bồi dưỡng trưởng thôn nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, những pháp luật liên quan trực tiếp tới chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng thôn, những kiến thức bổ trợ cần thiết và kỹ năng hoạt động giúp trưởng thôn thực hiện tốt nhiệm vụ tại địa bàn dân cư.

Điều 3: Những người giữ chức danh trưởng thôn đều phải được bồi dưỡng kiến thức theo nội dung chương trình, tài liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU, KIỂM TRA VÀ CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 4: Nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng trưởng thôn gồm:

1. Kiến thức cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Chức năng, nhiệm vụ của trưởng thôn.

3. Kiến thức pháp luật liên quan trực tiếp tới hoạt động thực hiện nhiệm vụ của trưởng thôn tại địa bàn dân cư theo quy định tại Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* và nhiệm vụ do ủy ban nhân dân cấp xã giao.

4. Những kiến thức cần thiết khác liên quan tới nhiệm vụ phải thực hiện (Quy chế dân chủ ở cơ sở, dân số - kế hoạch hóa gia đình, xóa đói giảm nghèo, tôn giáo, dân tộc, kiến thức khoa học về khuyến nông, khuyến lâm, bảo vệ môi trường...).

5. Kỹ năng hoạt động của trưởng thôn.

Điều 5: Phân cấp thẩm quyền quy định cấu trúc nội dung chương trình và biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố:

1. Bộ Nội vụ quyết định cấu trúc nội dung chương trình, thẩm định và ban hành chương trình khung tài liệu bồi dưỡng. Học viện Hành chính Quốc gia hướng dẫn việc biên soạn tài liệu bồi dưỡng.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trên cơ sở chương trình khung do Bộ Nội vụ ban hành và hướng dẫn biên soạn tài liệu bồi dưỡng của Học viện Hành chính Quốc gia quyết định việc tổ chức biên soạn, thẩm định, ban hành tài liệu bồi dưỡng trưởng thôn. Cơ quan, đơn vị trực tiếp biên soạn và hướng dẫn sử dụng tài liệu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Chương trình khung và tài liệu bồi dưỡng trưởng thôn đều phải được thẩm định trước khi ban hành đưa vào sử dụng.

3. Bộ Nội vụ và ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm theo dõi kiểm tra, nghiên cứu đánh giá chương trình, tài liệu bồi dưỡng trưởng thôn sau khi đưa vào sử dụng và có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện chương trình, tài liệu khi có đề xuất kiến nghị phù hợp của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm liên quan.

Điều 6: Tất cả các khóa bồi dưỡng trưởng thôn theo chương trình, tài liệu quy định tại Điều 4 trong Quy chế này đều phải được kiểm tra, đánh giá và cấp chứng chỉ khi kết thúc. Hình thức kiểm tra, đánh giá và cấp chứng chỉ do ủy ban

nhân dân cấp tỉnh quyết định. Mẫu chứng chỉ cấp cho học viên do Bộ Nội vụ hướng dẫn.

Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá, quản lý và cấp chứng chỉ cho trưởng thôn do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thực hiện.

Chương III

GIẢNG VIÊN, HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP BỒI DƯỠNG

Điều 7: Giảng viên bồi dưỡng trưởng thôn gồm: Giảng viên trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, báo cáo viên trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện hoặc giáo viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp tỉnh: giảng viên kiêm chức là cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc quận, huyện, thị xã hoặc cán bộ, công chức ngạch chuyên viên chính cấp sở hoặc tương đương đang làm việc ở các lĩnh vực liên quan tới nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng hoặc các lĩnh vực liên quan tới kiến thức bổ trợ cần thiết cho hoạt động của trưởng thôn.

Điều 8: Thời gian mỗi khóa bồi dưỡng trưởng thôn theo chương trình, tài liệu quy định tại Điều 4 Quy chế này là 10 ngày.

Hình thức, phương pháp bồi dưỡng trưởng thôn do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu lựa

chọn sao cho phù hợp đặc điểm từng vùng và đối tượng bồi dưỡng đảm bảo thiết thực, chất lượng, hiệu quả.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI CỦA HỌC VIÊN TRONG BỒI DƯỠNG

Điều 9: Trưởng thôn được cử đi bồi dưỡng phải chấp hành nghiêm túc việc học tập theo kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền và những quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng. Trường hợp học viên vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập sẽ phải kiểm điểm và chịu hình thức kiểm điểm, kỷ luật do ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 10: Trưởng thôn khi được cử đi bồi dưỡng được đài thọ toàn bộ kinh phí học tập, được hưởng nguyên phụ cấp kinh phí hoạt động và các chế độ khác theo quy định hiện hành. Kinh phí học tập do ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11: Bộ Nội vụ ban hành chương trình khung; hướng dẫn biên soạn tài liệu bồi dưỡng

và kiểm tra việc thực hiện của ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ sở đào tạo trong việc biên soạn, ban hành tài liệu và tổ chức bồi dưỡng trưởng thôn; chỉnh sửa chương trình khung, bổ sung hướng dẫn việc biên soạn tài liệu của các địa phương.

Điều 12: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành và hướng dẫn sử dụng tài liệu bồi dưỡng trưởng thôn; có kế hoạch và tổ chức thực hiện việc triển khai bồi dưỡng trưởng thôn trên địa bàn toàn tỉnh. Ban hành các chế độ, chính sách đảm bảo và khuyến khích bồi dưỡng nâng cao trình độ trưởng thôn trên cơ sở các quy định chung của Nhà nước và phù hợp với điều kiện địa phương.

Các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu, xem xét giải quyết.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn Thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ngày 26-11-2003;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17-4-2008 của Chính phủ - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*;

Căn cứ Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố*;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố trên địa bàn Thành phố Hà Nội.*

Điều 2: Quyết định này thay thế Quyết định số 92/2003/QĐ-UB ngày 5-8-2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (cũ) về ban hành *Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ dân phố*, Quyết định số 133/2003/QĐ-UB ngày 22-10-2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (cũ) về ban hành *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn*, Quyết định số 902/2003/QĐ-UB ngày 1-7-2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (cũ) về ban hành *Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Tây.*

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; xã, phường, thị trấn; trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng tổ dân phố, tổ phó tổ dân phố trên địa bàn Thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ tịch

NGUYỄN THẾ THẢO

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn Thành phố Hà Nội

*(Ban hành kèm theo Quyết định số
42/2010/QĐ-UBND ngày 30-8-2010
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Thôn, làng, bản (gọi chung là thôn) và tổ dân phố, khu phố, khối phố (gọi chung là tổ dân phố) là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, nơi thực hiện quyền dân chủ trực tiếp nhằm phát huy các hình thức hoạt động tự quản và tổ chức, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ cấp trên giao.

Thôn được công nhận và thành lập ở xã, tổ dân phố được công nhận và thành lập ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2: Thôn và tổ dân phố không phải là một cấp hành chính, do chính quyền xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý. Thôn có trưởng thôn

và phó thôn, tổ dân phố có tổ trưởng tổ dân phố và tổ phó tổ dân phố, là những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Nhiệm kỳ của trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng tổ dân phố, tổ phó tổ dân phố từ hai năm đến tối đa không quá hai năm rưỡi, tính từ khi có quyết định công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3: Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là người đại diện cho nhân dân ở thôn, tổ dân phố, do cử tri hoặc cử tri đại diện các hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố trực tiếp bầu ra theo nhiệm kỳ và được chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận.

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành của ủy ban nhân dân cấp xã, chịu sự lãnh đạo của chi bộ thôn, chi bộ tổ dân phố; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với ban công tác Mặt trận và các tổ chức, đoàn thể, tổ đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã, hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (ở thôn), công an viên ở thôn (hoặc cảnh sát khu vực ở tổ dân phố) triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trên địa bàn thôn, tổ dân phố.

Phó thôn, tổ phó tổ dân phố là người giúp việc trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ do trưởng thôn hay tổ trưởng tổ dân phố phân công; thay mặt

trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố điều hành công việc khi được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố ủy quyền.

Phó thôn, tổ phó tổ dân phố do ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra quyết định công nhận trên cơ sở đề nghị của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với ban công tác Mặt trận Tổ quốc ở thôn, tổ dân phố.

Điều 4: Trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng tổ dân phố, tổ phó tổ dân phố phải luôn luôn gần gũi nhân dân; tôn trọng, chú ý lắng nghe nguyện vọng của nhân dân; kiên quyết bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân; giải quyết công việc trên cơ sở pháp luật quy định, chống các tư tưởng, hành vi bè phái, cục bộ địa phương gây mất đoàn kết trong nhân dân.

Điều 5: Tiêu chuẩn trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng tổ dân phố, tổ phó tổ dân phố.

Là người có hộ khẩu và cư trú thường xuyên, lâu dài ở thôn, tổ dân phố, đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình, trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; tốt nghiệp trung học cơ sở (cấp II cũ) trở lên; bản thân và gia đình gương mẫu về đạo đức, lối sống, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, được nhân dân tín nhiệm; có năng lực tổ chức và vận động nhân dân thực hiện tốt các công việc của cộng đồng và cấp trên giao.

Chương II

TỔ CHỨC CỦA THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ

Điều 6: Ủy ban nhân dân Thành phố công nhận các thôn hiện có và quyết định thành lập thôn mới của từng xã. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (sau đây gọi chung là cấp huyện) công nhận các tổ dân phố hiện có và quyết định thành lập tổ dân phố mới trên địa bàn phường, thị trấn, xã (nếu có).

Điều 7: Thành lập thôn mới.

1. Chỉ thành lập thôn mới (gồm cả việc chia tách, sáp nhập, giải thể) khi tổ chức định canh, định cư, di dân giải phóng mặt bằng và khi thực hiện quy hoạch dân dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy mô thôn mới: ở vùng đồng bằng phải có từ 150 hộ trở lên; ở vùng miền núi phải có từ 50 hộ trở lên.

3. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới (gồm cả chia tách, sáp nhập, giải thể) thực hiện như sau:

a) Sau khi được chủ tịch ủy ban nhân dân Thành phố đồng ý về chủ trương, ủy ban nhân dân huyện, thị xã chỉ đạo ủy ban nhân dân xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, nội dung chủ yếu bao gồm: sự cần thiết phải thành lập thôn mới, tên thôn, vị trí địa lý thôn, dân số

(số hộ gia đình, số người), diện tích thôn (đơn vị tính là héc-ta), những đề xuất, kiến nghị.

b) Đề án thành lập thôn mới được tổ chức lấy ý kiến cử tri trong khu vực thành lập thôn mới. Ý kiến cử tri được tổng hợp thành văn bản và phải thể hiện rõ tổng số cử tri lấy ý kiến, trong đó có số cử tri đồng ý và số cử tri không đồng ý. Nếu trên 50% cử tri trong khu vực thành lập thôn mới đồng ý, ủy ban nhân dân xã hoàn chỉnh đề án trình hội đồng nhân dân xã thông qua.

c) Sau khi có nghị quyết của hội đồng nhân dân xã, ủy ban nhân dân xã hoàn chỉnh hồ sơ trình ủy ban nhân dân huyện, thị xã xem xét. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã có trách nhiệm thẩm định đề án trình chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định.

Hồ sơ trình chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố gồm:

- Tờ trình của ủy ban nhân dân huyện, thị xã trình chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Tờ trình của ủy ban nhân dân xã trình ủy ban nhân dân huyện, thị xã;

- Tờ trình của ủy ban nhân dân xã trình hội đồng nhân dân xã;

- Nghị quyết hội đồng nhân dân xã;

- Đề án thành lập thôn mới;

- Biên bản lấy ý kiến cử tri;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ra quyết định thành lập thôn mới trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Nội vụ.

Điều 8: Thành lập tổ dân phố mới.

1. Tổ dân phố được thành lập ở các phường, thị trấn và ở những khu đô thị, khu nhà ở tập thể của cơ quan trên địa bàn xã (nếu có).

- Chỉ thành lập tổ dân phố mới khi tổ chức di dân giải phóng mặt bằng và khi thực hiện quy hoạch dân dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tách tổ dân phố do đông dân, việc quản lý gặp nhiều khó khăn.

- Việc thành lập tổ dân phố mới (bao gồm cả việc chia, tách, sáp nhập, giải thể) do ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án trình hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua và trình chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định.

2. Quy mô tổ dân phố mới: từ 70 hộ trở lên.

3. Thành phố khuyến khích các quận từng bước thu gọn số lượng tổ dân phố, trên cơ sở đảm bảo hiệu quả hoạt động, tạo thuận lợi trong việc quản lý điều hành và hạn chế khó khăn khi tổ chức họp tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố.

Điều 9: Số lượng phó thôn và tổ phó tổ dân phố.

1. Thôn có dưới 1.500 người có trưởng thôn và một phó thôn. Thôn có trên 1.500 người cứ

thêm 500 người được thêm một phó thôn, nhưng tối đa không quá ba phó thôn.

2. Tổ dân phố có dưới 1.000 người có tổ trưởng tổ dân phố và một tổ phó tổ dân phố. Tổ dân phố có trên 1.000 người cứ thêm 500 người thì có thêm một tổ phó tổ dân phố, nhưng tối đa không quá ba tổ phó tổ dân phố.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, QUYỀN LỢI,
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI
TRƯỞNG THÔN, PHÓ THÔN, TỔ TRƯỞNG
TỔ DÂN PHỐ, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 10: Nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

1. Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố.

2. Phổ biến và tổ chức, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do ủy ban nhân dân cấp xã giao theo đúng quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các quyết định của thôn, tổ dân phố; bảo vệ tài sản công dân, tài sản công trên địa bàn thôn, tổ dân phố.

Trưởng thôn có thêm nhiệm vụ như sau: Tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ sản xuất trên

địa bàn thôn; trên cơ sở nghị quyết của hội nghị thôn, ký hợp đồng dịch vụ phục vụ dân sinh và xây dựng các công trình công cộng của thôn.

4. Phối hợp với ban công tác Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể ở thôn, tổ dân phố tổ chức, vận động nhân dân thực hiện *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*; xây dựng và thực hiện hương ước của thôn, quy ước của tổ dân phố; giúp đỡ các hộ gia đình phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, cải thiện môi trường sinh sống, giảm hộ nghèo; xây dựng gia đình văn hóa, thôn văn hóa, tổ dân phố văn hóa.

5. Hướng dẫn đăng ký tạm trú, tạm vắng; nắm chắc nhân khẩu, hộ khẩu và di biến động nhân khẩu, hộ khẩu trong thôn, tổ dân phố theo hướng dẫn của công an xã, phường, thị trấn.

6. Nhắc nhở mọi người thường xuyên nâng cao cảnh giác phòng, chống tội phạm; phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật, có biện pháp ngăn chặn thích hợp và thông báo với công an, ủy ban nhân dân xã, phường thị trấn hoặc các cơ quan có liên quan để có biện pháp xử lý kịp thời nhằm giữ gìn trật tự, an toàn trong thôn, tổ dân phố.

7. Tập hợp ý kiến, nguyện vọng chính đáng và hợp pháp của nhân dân trong thôn, tổ dân phố, phản ánh khách quan, trung thực với ủy

ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

8. Phối hợp với tổ hòa giải phát hiện và hòa giải kịp thời các mâu thuẫn trong nội bộ gia đình và các hộ dân cư trong thôn, tổ dân phố. Tham gia giáo dục và nhận xét sự tiến bộ đối với các đối tượng trong diện quản lý giáo dục tại chỗ, những người phạm tội đang trong thời gian chưa được xóa án, đang trong thời gian bị quản chế, người đang bị án treo, án cảnh cáo.

9. Quản lý các loại văn bản, hồ sơ, tài liệu, sổ sách được giao và bàn giao đầy đủ các loại văn bản, hồ sơ, tài liệu, sổ sách cho trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới khi thôi không làm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Biên bản bàn giao phải được cấp ủy chi bộ thôn, tổ dân phố chứng kiến và xác nhận.

10. Thực hiện chế độ báo cáo và dự họp giao ban theo quy định của ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 11: Quyền lợi của trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng tổ dân phố, tổ phó tổ dân phố.

1. Được cử đi học các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ thôn, tổ dân phố.

2. Được ủy ban nhân dân cấp xã thông báo, cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết, có liên quan tới hoạt động của thôn, tổ dân phố và nhiệm vụ được giao.

3. Được ủy ban nhân dân xã mời dự họp, tham khảo ý kiến, thông báo kết luận khi giải quyết những vấn đề cần thiết có liên quan đến thôn, tổ dân phố.

4. Được cấp giấy, bút làm việc và được hưởng tiền phụ cấp hằng tháng theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Được pháp luật bảo vệ khi thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao.

Điều 12: Khen thưởng, kỷ luật.

1. Trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng tổ dân phố, tổ phó tổ dân phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có thành tích được ủy ban nhân dân cấp xã khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

2. Trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng tổ dân phố, tổ phó tổ dân phố không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị khiển trách, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo hoặc cho thôi chức đối với trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng tổ dân phố, tổ phó tổ dân phố trong trường hợp đã có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 13: Các hoạt động của thôn, tổ dân phố được thực hiện thông qua hội nghị thôn, tổ dân phố, gồm các nội dung sau:

1. Nghe trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố báo cáo về tình hình chung trong thôn, tổ dân phố việc thực hiện nhiệm vụ trong thời gian qua và phổ biến những nội dung nhiệm vụ trong thời gian tới.

2. Thảo luận, bàn biện pháp thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ do ủy ban nhân dân cấp xã giao và thực hiện các nghĩa vụ của công dân đối với Nhà nước; thảo luận và triển khai thực hiện các nội dung có liên quan của *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*.

3. Quyết định và thực hiện các công việc tự quản, đảm bảo giữ gìn đoàn kết, giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống; giữ gìn trật tự an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn, tổ dân phố; xây dựng và thực hiện hương ước của thôn, quy ước của tổ dân phố.

4. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 14: Hội nghị thôn, tổ dân phố được tổ chức định kỳ sáu tháng một lần, khi cần thiết

có thể họp bất thường. Hội nghị thôn, tổ dân phố do trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì, thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự. Nghị quyết của thôn, tổ dân phố chỉ có giá trị khi được quá nửa số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành và không trái pháp luật.

Chương V

QUY TRÌNH BẦU CỬ TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 15: Tổ chức bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Tùy theo điều kiện của từng địa phương mà việc bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có thể tổ chức kết hợp tại hội nghị thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức thành cuộc bầu cử riêng.

Điều 16: Công tác chuẩn bị hội nghị bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng

kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

2. Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo với chi ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất danh sách người ra ứng cử (từ một đến hai người).

3. Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập tổ bầu cử (tổ bầu cử gồm tổ trưởng là trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố; thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn, tổ dân phố); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; quyết định việc lập danh sách cử tri và thời gian niêm yết danh sách cử tri; quyết định hình thức bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố (bầu cử tại hội nghị thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức cuộc bầu cử riêng). Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, tổ dân phố chậm nhất bảy ngày trước ngày bầu cử.

Trường hợp một thôn có nhiều ban công tác Mặt trận thì chủ tịch ủy ban nhân dân xã ra quyết định chọn một đồng chí trưởng ban công tác Mặt trận làm tổ trưởng tổ bầu cử.

4. Tổ bầu cử có nhiệm vụ chính như sau:

- Lập và công bố danh sách cử tri tham gia bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố;
- Công bố danh sách các ứng cử viên;
- Nhận phiếu bầu và biên bản kiểm phiếu từ ủy ban nhân dân cấp xã;
- Phát phiếu bầu, hướng dẫn cử tri bỏ phiếu, đảm bảo trật tự nơi bỏ phiếu;
- Kiểm phiếu, viết biên bản kiểm phiếu;
- Báo cáo và nộp kết quả kiểm phiếu, phiếu bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và các tài liệu bầu cử khác (nếu có) về ủy ban nhân dân cấp xã.

Tùy theo tình hình của địa bàn thôn, tổ dân phố, ủy ban nhân dân cấp xã có thể giao cho tổ bầu cử thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể khác trong quá trình bầu cử.

Điều 17: Bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tại hội nghị thôn, tổ dân phố.

1. Tổ trưởng tổ bầu cử chủ trì hội nghị bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Hội nghị bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

Hội nghị bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Tổ trưởng tổ bầu cử đọc quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử.

b) Tổ trưởng tổ bầu cử quyết định việc đề trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố đương nhiệm báo cáo kết quả công tác nhiệm kỳ vừa qua trước hội nghị cử tri; hội nghị cử tri thảo luận về công tác nhiệm kỳ vừa qua của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

c) Tổ trưởng bầu cử nêu tiêu chuẩn của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

d) Đại diện ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ra ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử và chỉ ủy chi bộ thôn, tổ dân phố thống nhất theo quy trình quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này. Tại hội nghị này, cử tri có thể ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử.

đ) Hội nghị thảo luận, cho ý kiến về những người ứng cử. Trên cơ sở các ý kiến của cử tri, tổ bầu cử ấn định danh sách những người ứng cử để hội nghị biểu quyết. Việc biểu quyết số lượng và danh sách những người ứng cử được thể hiện bằng hình thức giơ tay và có giá trị khi có trên 50% số cử tri tham dự hội nghị tán thành.

e) Tiến hành bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

- Việc bầu cử có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định.

- Nếu bầu bằng hình thức giơ tay, tổ bầu cử trực tiếp đếm số biểu quyết. Nếu bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín, tổ bầu cử làm nhiệm vụ kiểm phiếu. Phiếu bầu do ủy ban nhân dân cấp xã chuẩn bị trước, có đóng dấu của ủy ban nhân dân cấp xã vào góc cao bên trái phiếu bầu.

- Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu; mỗi hai đại biểu cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu.

Kiểm phiếu xong, tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) của thôn, tổ dân phố; số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia hội nghị; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) toàn thôn, tổ dân phố.

Người trúng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) trong toàn thôn, tổ dân phố.

- Những phiếu bầu sau đây là phiếu không hợp lệ:

+ Phiếu không phải là phiếu theo mẫu quy định do tổ bầu cử phát ra;

+ Phiếu bầu quá số lượng người quy định (bầu từ hai người trở lên);

+ Phiếu ghi tên người ngoài danh sách những người ứng cử;

+ Phiếu gạch, xóa hết tên những người ứng cử trong trường hợp số người ứng cử từ hai người trở lên (trường hợp chỉ có một người ứng cử thì phiếu gạch, xóa tên người ứng cử đó vẫn là phiếu hợp lệ).

- Biên bản kiểm phiếu lập thành ba bản có chữ ký của các thành viên tổ bầu cử.

g) Tổ trưởng tổ bầu cử báo cáo kết quả bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, kèm theo biên bản kiểm phiếu gửi ngay đến ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

2. Trường hợp kết quả bầu không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thì chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử

trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới.

Trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới. Quy trình bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 và khoản 1 Điều 17 của Quy chế này.

Điều 18: Bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tại cuộc bầu cử riêng.

1. Tổ chức hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố:

a) Tổ trưởng tổ bầu cử quyết định ngày tổ chức hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trước ít nhất năm ngày tính đến ngày bỏ phiếu bầu cử và phải báo cáo ủy ban nhân dân cấp xã.

Tổ bầu cử gửi giấy mời đến các cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử

tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

b) Tổ trưởng tổ bầu cử chủ trì hội nghị. Hội nghị tiến hành các trình tự, thủ tục thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1, Điều 17 của Quy chế này.

Tổ bầu cử lập ba bộ biên bản hội nghị và báo cáo về ủy ban nhân dân cấp xã danh sách người ứng cử.

2. Trường hợp thôn hoặc tổ dân phố lớn, địa bàn dân cư sống không tập trung, không thể tổ chức cuộc họp toàn thôn, tổ dân phố để ấn định danh sách những người ứng cử thì có thể tổ chức các cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo từng khu vực dân cư để lấy ý kiến nhân dân, quy trình thực hiện như sau:

a) Đại diện tổ bầu cử chủ trì cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ (theo chỉ đạo của ủy ban nhân dân cấp xã) tại khu vực dân cư.

- Đại diện tổ bầu cử đọc quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ bầu cử, quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử.

- Đại diện tổ bầu cử quyết định việc đề trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố đương nhiệm báo cáo kết quả công tác nhiệm kỳ vừa qua trước hội nghị cử tri; hội nghị cử tri thảo luận

về công tác nhiệm kỳ vừa qua của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

- Đại diện ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ra ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử và chi ủy chi bộ thôn, tổ dân phố thống nhất (theo quy trình quy định tại khoản 2, Điều 16 của Quy chế này). Tại cuộc họp này, cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu thêm người ứng cử. Trường hợp cử tri trong khu vực dân cư giới thiệu nhiều người ứng cử ngoài số lượng người ứng cử do ban công tác Mặt trận Tổ quốc giới thiệu, đại diện tổ bầu cử có thể lấy ý kiến biểu quyết bằng hình thức giơ tay ngay tại cuộc họp để chọn ra một người được tín nhiệm cao nhất tham gia ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

- Đại diện tổ bầu cử hướng dẫn mỗi khu vực dân cư đề cử tối thiểu năm người làm đại diện cho khu vực dân cư đi dự cuộc họp thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Tùy theo tình hình cụ thể của từng thôn, tổ dân phố, ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng người được đề cử làm đại diện cho khu vực dân cư và phải thông báo công khai để thống nhất thực hiện.

Tổ bầu cử lập ba bộ biên bản đối với mỗi cuộc họp tại khu dân cư.

b) Tổ trưởng tổ bầu cử chủ trì hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Thành phần hội nghị bao gồm các thành viên của ban công tác Mặt trận Tổ quốc thôn, tổ dân phố và cử tri đại diện của các khu vực dân cư. Ủy ban nhân dân cấp xã cử cán bộ đại diện tới dự họp, ký xác nhận biên bản hội nghị.

Hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1, Điều 17 của Quy chế này.

Tổ bầu cử lập ba bộ biên bản hội nghị và báo cáo về ủy ban nhân dân cấp xã danh sách người ứng cử.

3. Tổ chức ngày bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

a) Những công việc chuẩn bị cho ngày bỏ phiếu.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo ngày, giờ, địa điểm tổ chức bầu cử, thể lệ bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trên loa truyền thanh; xây dựng kế hoạch bảo vệ và bảo đảm an toàn, trật tự cho ngày bỏ phiếu, đặc biệt là nơi để hòm phiếu.

- Tổ bầu cử cùng với cán bộ các tổ chức, đoàn thể trong thôn, tổ dân phố họp bàn phân công nhiệm vụ cụ thể từng người, ấn định thời

gian hoàn thành. Cần chú ý đến việc lập danh sách cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, nhận phiếu bầu cử từ ủy ban nhân dân cấp xã, chuẩn bị hòm phiếu, phối hợp với ủy ban nhân dân xã thực hiện kế hoạch bảo đảm an toàn, trật tự cho ngày bỏ phiếu.

b) Tổ chức ngày bỏ phiếu.

- Cuộc bỏ phiếu tiến hành từ 7 giờ đến 19 giờ. Những nơi cần phải tổ chức sớm hơn cũng không được sớm hơn 5 giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn cũng không được quá 20 giờ. Tổ bầu cử có thể quyết định thời gian cụ thể nhưng phải báo cáo về ủy ban nhân dân cấp xã. Nơi nào có 100% cử tri hoặc cử tri đại diện hộ đã bỏ phiếu thì có thể kết thúc cuộc bỏ phiếu sớm hơn.

- Tổ trưởng tổ bầu cử mời một số cụ là cử tri cao tuổi, cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể và một số cử tri trong thôn, tổ dân phố tới dự khai mạc cuộc bỏ phiếu. Tùy theo tình hình cụ thể, tổ bầu cử có thể làm lễ chào cờ, cử Quốc ca khi tiến hành khai mạc cuộc bỏ phiếu.

- Tổ trưởng tổ bầu cử giới thiệu cử tri cao tuổi trong thôn, tổ dân phố, các vị lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể, đoàn kiểm tra bầu cử (nếu có) và tổ chức bầu cử; đọc lời khai mạc cuộc bỏ phiếu (đã in sẵn).

- Trước khi tiến hành bỏ phiếu, tổ trưởng tổ bầu cử mời hai cử tri chứng kiến nhân viên tổ bầu cử kiểm tra và niêm phong hòm phiếu.

- Trong ngày bỏ phiếu, tổ bầu cử phối hợp với cán bộ các đoàn thể tổ chức vận động các cử tri đi bỏ phiếu; thường xuyên nhắc nhở cử tri bầu đúng số lượng một người làm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trong số người ứng cử, đảm bảo số phiếu hợp lệ cao.

- Trong ngày bỏ phiếu, nếu có khiếu nại của cử tri thì tổ bầu cử giải quyết khẩn trương, nếu khó khăn phức tạp thì báo cáo về ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết. Trong trường hợp xảy ra sự việc phức tạp làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu thì tổ bầu cử lập tức niêm phong giấy tờ và hòm phiếu, báo cáo ủy ban nhân dân cấp xã, đồng thời có kế hoạch khắc phục khó khăn để tiếp tục cuộc bỏ phiếu.

- Khi hết giờ bỏ phiếu, nếu còn cử tri có mặt tại phòng bỏ phiếu mà chưa kịp bỏ phiếu thì chỉ sau khi số cử tri này bỏ phiếu xong, tổ bầu cử mới được tuyên bố kết thúc cuộc bỏ phiếu.

- Sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc, tổ bầu cử phải tiến hành kiểm phiếu ngay tại phòng bỏ phiếu.

Trước khi mở hòm phiếu, tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu không sử dụng đến và mời hai cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu.

c) Các quy định về lập biên bản kiểm phiếu, người trúng cử, bầu cử lại, công nhận kết quả

bầu cử áp dụng thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 19 của Quy chế này.

Điều 19: Việc công nhận kết quả bầu cử.

Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ trưởng tổ bầu cử, ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận người trúng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định bầu cử lại, trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương VI

QUY TRÌNH MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 20: Quy trình miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

1. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có thể được miễn nhiệm do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác. Trường hợp trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố di chuyển chỗ ở ra khỏi địa bàn thôn, tổ dân phố thì trưởng ban công tác Mặt trận Tổ quốc thôn, tổ dân phố đề nghị chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã xem xét

ra thông báo đề bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới.

2. Thủ tục, trình tự tổ chức việc miễn nhiệm:

a) Người xin miễn nhiệm phải có đơn, trong đó nêu rõ lý do của việc xin miễn nhiệm chức danh trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố gửi chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Việc miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thực hiện tại hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố. Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Hội nghị miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

c) Trình tự hội nghị miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

- Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị, nêu lý do, yêu cầu của hội nghị.

- Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trình bày lý do của việc xin miễn nhiệm.

- Hội nghị thảo luận, đánh giá quá trình hoạt động của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

- Hội nghị tiến hành biểu quyết. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay

hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử tổ kiểm phiếu từ ba đến năm người để làm nhiệm vụ.

- Trường hợp có trên 50% cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ) so với tổng số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố) tán thành việc miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thì trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố báo cáo ủy ban nhân dân cấp xã xem xét miễn nhiệm.

d) Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm chức danh trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới; trường hợp ủy ban nhân dân cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu lý do.

Việc bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Quy trình

bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 của Quy chế này.

Điều 21: Quy trình bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

1. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố khi không còn được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của ủy ban nhân dân cấp xã, vi phạm pháp luật và các quy định của cấp trên thì có thể bị cử tri bãi nhiệm theo đề nghị của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

Trên cơ sở đề nghị của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị thì ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định tổ chức hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố để xem xét bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Hội nghị bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố) tham dự. Ngoài số cử tri thuộc thành phần dự hội nghị. Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố mời đại diện ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tham dự. Khách mời được phát biểu ý kiến, nhưng không được biểu quyết.

2. Trình tự hội nghị bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố:

a) Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tuyên bố lý do, mục đích, yêu cầu của hội nghị.

b) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trình bày bản tự kiểm điểm của mình, trong đó nêu rõ khuyết điểm, nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục. Trường hợp trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không tham dự hội nghị hoặc có tham dự nhưng không trình bày bản tự kiểm điểm thì người đưa ra đề xuất việc bãi nhiệm trình bày những khuyết điểm của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

c) Hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến.

d) Hội nghị biểu quyết việc bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu

kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ.

Trường hợp có trên 50% cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ) so với tổng số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, thì trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố lập biên bản, báo cáo ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, bãi nhiệm.

đ) Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố của trưởng ban Mặt trận thôn, tổ dân phố, ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới; trường hợp ủy ban nhân dân cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Quy trình bầu cử

trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 và Điều 18 của Quy chế này.

Điều 22: Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được cân đối dự toán ngân sách xã, phường, thị trấn hàng năm.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23: Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố có liên quan chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này.

Điều 24: Chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng tổ dân phố, tổ phó tổ dân phố trên địa bàn Thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này. Hàng năm ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã chỉ đạo ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổng kết đánh giá hoạt động của thôn, tổ dân phố và gửi báo cáo về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ngày 26-11-2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân ngày 3-12-2004;

Căn cứ *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn* ngày 20-4-2007;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17-4-2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*;

Căn cứ Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố*;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 128/TTr-SNV ngày 20-1-2011 về việc trình ký Quyết định ban hành *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố*,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố*.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 70/2005/QĐ-UBND ngày 15-9-2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; chủ tịch ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ tịch

NGUYỄN CHIẾN THẮNG

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố

(Ban hành kèm theo Quyết định số

07/2011/QĐ-UBND ngày 15-3-2011

của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Thôn, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản và tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của cấp trên giao.

Điều 2: Dưới xã là thôn. Dưới phường là tổ dân phố. Dưới thị trấn là tổ dân phố và thôn. Thôn và tổ dân phố chịu sự quản lý trực tiếp của chính quyền xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã).

Điều 3: Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do nhân dân trực tiếp bầu, ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận; trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động

khi có quyết định công nhận của ủy ban nhân dân cấp xã; là người đại diện cho nhân dân và đại diện cho chính quyền cấp xã để thực hiện một số nhiệm vụ hành chính tại thôn và tổ dân phố. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chịu sự lãnh đạo của chi bộ thôn, chi bộ tổ dân phố, chi bộ liên thôn, liên tổ hoặc cấp ủy cấp xã (nơi chưa có chi bộ thôn và chi bộ tổ dân phố); chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành của ủy ban nhân dân cấp xã; phối hợp chặt chẽ với ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, các đoàn thể và các hội ở thôn, tổ dân phố trong quá trình triển khai công tác.

Điều 4: Mỗi thôn, tổ dân phố có một phó thôn, một tổ phó tổ dân phố giúp việc cho trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Thôn, tổ dân phố có trên 1.500 dân hoặc có địa bàn rộng, tình hình an ninh trật tự phức tạp được bố trí hai phó thôn hoặc tổ phó. Việc ấn định thêm phó thôn, tổ phó thứ hai do chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định sau khi trao đổi và được sự thống nhất bằng văn bản của giám đốc Sở Nội vụ.

Điều 5: Nhiệm kỳ của trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố là hai năm rưỡi.

Việc bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành đồng loạt trong toàn tỉnh và trong một khoảng thời gian nhất định, từ đầu

tháng 2 đến tháng 3 hoặc tháng 8 đến tháng 9 của năm cuối nhiệm kỳ cũ.

Trong trường hợp thành lập thôn, tổ dân phố mới hoặc khuyết trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã có thể chỉ định trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, hoặc một phó thôn, tổ phó tổ dân phố phụ trách cho đến khi nhân dân bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được chỉ định hoặc trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được nhân dân bầu bổ sung trong nhiệm kỳ cũng hoạt động và kết thúc nhiệm vụ theo nhiệm kỳ chung thống nhất trong toàn tỉnh.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ

Điều 6: Về việc thành lập thôn mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập thôn).

1. Chỉ thành lập thôn mới khi tổ chức định canh, định cư, di dân giải phóng mặt bằng, khi thực hiện quy hoạch dân dân, thành lập xã mới hoặc trong trường hợp đặc biệt cần tạo sự ổn định trật tự an toàn xã hội, phát triển ngành nghề, phát triển bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.

2. Quy mô thôn mới: Vùng đồng bằng ít nhất 100 hộ; miền núi, vùng núi cao, hải đảo ít nhất 50 hộ.

3. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước ở địa phương, theo đề nghị của tổ chức, cá nhân, ủy ban nhân dân xã báo cáo ủy ban nhân dân cấp huyện để trình chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương thành lập thôn mới. Tờ trình chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương cần nêu rõ lý do, sự cần thiết thành lập thôn mới, vị trí, đặc điểm kinh tế - xã hội, dự kiến diện tích, dân số, số hộ của thôn mới và diện tích, số dân, số hộ còn lại của thôn hiện có. Có thể dự kiến nhiều phương án thành lập thôn mới để trình xin chủ trương của chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Sau khi chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định về chủ trương, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo ủy ban nhân dân xã xây dựng phương án thành lập thôn mới, nội dung chủ yếu gồm:

- Lý do, sự cần thiết phải thành lập thôn mới;
- Tên thôn;
- Vị trí địa lý của thôn;
- Dân số (số hộ, số nhân khẩu);
- Diện tích thôn (đơn vị tính là héc-ta);

- Sơ đồ chia tách, sáp nhập, thành lập thôn mới;

- Kiến nghị.

b) Lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới về phương án, tổng hợp thành văn bản nêu rõ tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình đồng ý, không đồng ý.

c) Nếu đa số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình đồng ý, ủy ban nhân dân xã hoàn chỉnh phương án, trình Hội đồng nhân dân xã thông qua.

d) Sau khi có nghị quyết hội đồng nhân dân xã, ủy ban nhân dân xã hoàn chỉnh hồ sơ trình ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thẩm định phương án, hồ sơ và trình chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Hồ sơ trình chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- Tờ trình của ủy ban nhân dân xã trình hội đồng nhân dân xã;

- Phương án thành lập thôn mới;

- Biên bản lấy ý kiến cử tri;

- Nghị quyết của hội đồng nhân dân xã;

- Tờ trình của ủy ban nhân dân xã trình ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Tờ trình của ủy ban nhân dân cấp huyện trình chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ra quyết định thành lập thôn mới.

Điều 7: Việc thành lập tổ dân phố mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập tổ dân phố).

1. Quy mô tổ dân phố mới thành lập ít nhất 150 hộ; những cụm dân cư độc lập, địa bàn rộng, có các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng có thể ít hơn nhưng không dưới 75 hộ; các tổ dân phố (ở các đảo) được thành lập mới có từ 70 hộ trở lên.

2. Quy trình và hồ sơ thành lập tổ dân phố: Trước khi lập hồ sơ xin thành lập tổ dân phố mới, chủ tịch ủy ban nhân dân phường, thị trấn phải báo cáo để xin chủ trương của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét thỏa thuận với giám đốc Sở Nội vụ và quyết định về chủ trương thành lập tổ dân phố mới sau khi có sự thống nhất bằng văn bản của giám đốc Sở Nội vụ. Sau khi có chủ trương của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện, ủy ban nhân dân phường, thị trấn xây dựng phương án thành lập tổ dân phố mới; tiến hành lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập tổ dân phố mới. Nếu đa số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ đồng ý; ủy ban nhân dân phường, thị trấn hoàn chỉnh phương án, trình hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua. Sau khi có nghị quyết của hội đồng nhân dân cùng cấp, ủy ban nhân dân phường, thị trấn hoàn chỉnh hồ sơ trình chủ tịch ủy ban

nhân dân cấp huyện. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định và báo cáo các cơ quan cấp trên theo quy định.

Nội dung phương án thành lập tổ dân phố như nội dung phương án thành lập thôn nêu tại điểm a, khoản 3, Điều 6 Quy chế này.

Điều 8: Hoạt động của thôn và tổ dân phố.

1. Cộng đồng dân cư trong thôn, tổ dân phố cùng nhau thảo luận, quyết định và thực hiện các công việc tự quản, bảo đảm đoàn kết giữ gìn trật tự an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp, thuần phong mỹ tục của thôn, tổ dân phố; xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn, tổ dân phố; xây dựng và đề nghị cấp có thẩm quyền phê chuẩn phê duyệt và tổ chức thực hiện các hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.

2. Bàn biện pháp thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nhiệm vụ do ủy ban nhân dân xã giao và thực hiện nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước.

3. Thực hiện *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*.

4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

5. Bầu, bãi nhiệm thành viên ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Các hoạt động của thôn, tổ dân phố được thực hiện thông qua hội nghị thôn, tổ dân phố.

Điều 9: Hội nghị thôn, tổ dân phố.

Hội nghị của thôn, tổ dân phố được tổ chức ba tháng hoặc sáu tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình. Hội nghị do trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì hoặc phân công cho phó thôn, tổ phó tổ dân phố chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có ít nhất quá nửa số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tham dự. Nghị quyết của thôn, tổ dân phố chỉ có giá trị khi được quá nửa số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành và không trái pháp luật.

Đối với thôn, tổ dân phố đông dân cư có thể tổ chức họp thôn, tổ dân phố theo từng khu vực trong thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức nhiều lần họp. Trong trường hợp này thì nghị quyết của thôn, tổ dân phố có giá trị khi tổng hợp các lần họp có quá nửa số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành và không trái pháp luật.

Điều 10: Nơi sinh hoạt, hội họp của nhân dân trong thôn, tổ dân phố.

Thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa dùng làm nơi sinh hoạt, hội họp của nhân dân và là nơi

cất giữ tài liệu, trưng bày tài sản chung của thôn, tổ dân phố. Chính quyền các cấp, các cơ quan nhà nước đóng trên địa bàn có trách nhiệm tạo điều kiện để nhân dân sử dụng hợp lý các cơ sở hiện có (trường học, đình làng, trụ sở ủy ban nhân dân, cơ quan nhà nước khác...) để làm nơi sinh hoạt, hội họp. Tiếp tục phát huy sự đóng góp tự nguyện của nhân dân, thực hiện phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm để xây dựng nơi sinh hoạt, hội họp ổn định. Đối với những địa phương có điều kiện thì giao đất và hỗ trợ kinh phí xây dựng, nhân dân đóng góp trang bị phương tiện cơ sở vật chất ban đầu và tự tổ chức quản lý, bảo vệ.

Điều 11: Tiêu chuẩn trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phải là người có hộ khẩu và thường trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố hoặc là đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã thuộc đơn vị bầu cử trong địa bàn thôn, tổ dân phố đó; đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác, đạo đức và tư cách tốt, được nhân dân tín nhiệm, bản thân và gia đình gương mẫu, có năng lực và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc của cộng đồng và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 12: Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của trưởng thôn.

1. Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn.
2. Tổ chức và thực hiện các quyết định của thôn.
3. Tổ chức nhân dân thực hiện tốt *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*.
4. Tổ chức xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện hương ước.
5. Bảo đảm đoàn kết, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong thôn.
6. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ do ủy ban nhân dân xã giao.
7. Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền xã giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân.
8. Trên cơ sở nghị quyết của hội nghị thôn, ký hợp đồng dịch vụ phục vụ sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn.
9. Được ủy ban nhân dân xã mời dự họp về các vấn đề có liên quan. Hằng tháng báo cáo kết quả công tác với ủy ban nhân dân xã; sáu tháng, cuối năm phải báo cáo công tác và tự phê bình trước hội nghị thôn.
10. Thực hiện công tác quản lý tài chính ở thôn theo quy định.

Điều 13: Nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của tổ trưởng tổ dân phố.

1. Triệu tập và chủ trì hội nghị tổ dân phố để bàn và tổ chức thực hiện các quyết định của

tổ dân phố về giữ gìn trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; tu sửa, xây dựng cơ sở hạ tầng, ngõ phố và vệ sinh môi trường; xây dựng đời sống văn hóa, đoàn kết giúp đỡ nhau trong đời sống và sản xuất; thực hiện tốt các nhiệm vụ do ủy ban nhân dân phường, thị trấn giao.

2. Vận động và tổ chức nhân dân thực hiện tốt *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*.

3. Tổ chức và thực hiện quy ước ở tổ dân phố.

4. Tập hợp ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân để phản ánh và đề nghị ủy ban nhân dân phường, thị trấn giải quyết.

5. Được ủy ban nhân dân phường, thị trấn mời dự họp về các vấn đề liên quan, hàng tháng báo cáo kết quả công tác với ủy ban nhân dân phường, thị trấn; sáu tháng, cuối năm phải báo cáo công tác và tự kiểm điểm trước hội nghị tổ dân phố.

6. Thực hiện công tác quản lý tài chính ở tổ dân phố theo quy định.

Điều 14: Phó thôn, tổ phó tổ dân phố.

1. Phó thôn, tổ phó tổ dân phố là người giúp việc cho trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

2. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy chi bộ thôn, tổ dân phố; trưởng thôn và tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với ban công tác Mặt trận

thôn, tổ dân phố và đề nghị ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định. Phó thôn, tổ phó tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương III

QUY TRÌNH BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 15: Quy trình bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố kết hợp tại hội nghị thôn, tổ dân phố thực hiện theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN của Chính phủ - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*.

Điều 16: Quy trình bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố khi tổ chức thành cuộc bầu cử riêng.

1. Công tác chuẩn bị bầu cử.

a) Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

b) Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo với chi ủy chi bộ thôn, tổ dân phố hoặc cấp ủy cấp xã (nơi chưa có chi bộ thôn, tổ dân phố) để thống nhất danh sách người ra ứng cử (từ 1 đến 2 người).

c) Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập tổ bầu cử (gồm tổ trưởng là trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố; thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn, tổ dân phố); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, tổ dân phố chậm nhất bảy ngày trước ngày bầu cử.

d) Cử tri trong thôn, tổ dân phố có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định có quyền tự ứng cử hoặc giới thiệu người có đủ điều kiện ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Đơn ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử phải cung cấp đầy đủ thông tin về họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, nơi cư trú, trình độ học vấn theo hướng dẫn của

ủy ban nhân dân cấp xã và gửi cho tổ bầu cử chậm nhất là năm ngày trước ngày bầu cử.

đ) Chậm nhất là ba ngày trước ngày bầu cử, tổ bầu cử thống nhất với ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố ấn định danh sách những người ứng cử. Danh sách những người ứng cử được thông báo đến nhân dân trong thôn, tổ dân phố, niêm yết tại địa điểm bỏ phiếu và những nơi công cộng trong thôn chậm nhất là hai ngày trước ngày bầu cử.

e) Danh sách cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do ủy ban nhân dân cấp xã lập hoặc phê duyệt theo danh sách do tổ bầu cử hoặc ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố lập, được niêm yết tại địa điểm bỏ phiếu và những nơi công cộng trong thôn, tổ dân phố chậm nhất là 24 giờ trước ngày bầu cử.

g) Việc bổ sung, sửa đổi những sai sót trong danh sách những người ứng cử và danh sách cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình chỉ được thực hiện trước khi tổ trưởng tổ bầu cử tuyên bố bắt đầu việc bỏ phiếu và phải được chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

h) Việc bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín. Tổ bầu cử chịu trách nhiệm chuẩn bị đủ phiếu bầu theo mẫu quy định của ủy ban nhân

dân cấp xã trước khi khai mạc cuộc bỏ phiếu. Tổ bầu cử phải niêm yết quy định về phiếu bầu hợp lệ, phiếu không hợp lệ tại khu vực bỏ phiếu và liên tục hướng dẫn để cử tri biết trong thời gian diễn ra bầu cử.

Trường hợp nếu phiếu bầu chỉ ghi tên một người ứng cử thì phiếu gạch tên và phiếu không gạch tên người ứng cử đều là phiếu hợp lệ.

2. Tổ chức bầu cử.

a) Thời điểm bắt đầu và kết thúc cuộc bỏ phiếu do tổ bầu cử quyết định nhưng không được bắt đầu sớm hơn và kết thúc muộn hơn thời gian theo quy định của ủy ban nhân dân cấp xã nêu tại điểm a, khoản 1, Điều 16 Quy chế này.

b) Chủ tịch ủy ban nhân dân xã quyết định việc bỏ phiếu sớm hơn ngày quy định, hoãn ngày bỏ phiếu (trong trường hợp thật sự cần thiết), việc tiếp tục hay không tiếp tục cuộc bỏ phiếu bị gián đoạn nêu tại điểm c, khoản 2, Điều 16 dưới đây.

c) Cuộc bỏ phiếu bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo trình tự sau đây:

- Tổ trưởng tổ bầu cử đọc quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử; tiêu chuẩn của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

- Đại diện ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố nêu tại điểm đ, khoản 1, Điều 16 Quy chế này.

- Tổ bầu cử cử đại diện kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của cử tri.

- Tổ trưởng tổ bầu cử tuyên bố bắt đầu việc bỏ phiếu.

- Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì tổ trưởng tổ bầu cử phải lập tức niêm phong hòm phiếu và giấy tờ liên quan, kịp thời báo cáo ủy ban nhân dân xã biết, xử lý.

- Việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo kết quả bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại điểm e và điểm g, khoản 2, Điều 8, Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN.

d) Trình tự, thủ tục tổ chức "ngày bầu cử lại" trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố (nếu có) được thực hiện theo điểm a, b, c, khoản 2, Điều 16.

Điều 17: Trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sẽ được khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm, khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy mức độ sai phạm sẽ

bị phê bình, bãi nhiệm, cho thôi chức hoặc truy cứu trách nhiệm theo pháp luật.

Điều 18: Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN.

Điều 19: Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do ngân sách xã bảo đảm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ, QUYỀN LỢI CỦA TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ, PHÓ THÔN, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 20: Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; phó thôn, tổ phó tổ dân phố được hưởng phụ cấp, được kiêm nhiệm các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố theo nghị quyết của hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định của ủy ban nhân dân tỉnh và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của Nhà nước.

Điều 21: Việc đào tạo, bồi dưỡng những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố do Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện thực hiện theo kế hoạch của ủy ban nhân dân cùng cấp; kinh phí do ngân sách cấp huyện

bảo đảm; khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được hưởng chế độ theo quy định hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22: Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện Quy chế.

1. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện Quy chế.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Quy chế này. Tổng hợp, báo cáo kết quả tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố với ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 23: Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện những vấn đề bất hợp lý, các đơn vị, địa phương liên quan có trách nhiệm báo cáo ủy ban nhân dân tỉnh để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Số: 36/2011/QĐ-UBND

Vinh Phúc, ngày 20 tháng 9 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tạm thời bố trí cán bộ,
công chức xã, phường, thị trấn; tiêu chuẩn,
nhiệm vụ, quy trình tuyển chọn đối với
những người hoạt động không chuyên trách
ở xã, phường, thị trấn và ở thôn,
tổ dân phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ngày 26-11-2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22-10-2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27-5-2010 của liên Bộ: Nội vụ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2011/NQ-HĐND ngày 3-8-2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về

chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố;

Sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các ban đảng, đoàn thể và theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 339/TTr-SNV ngày 26-8-2011 về việc ban hành *Quy định tạm thời bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quy trình tuyển chọn đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố*,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này *Quy định tạm thời bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quy trình tuyển chọn đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố*.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 07/2005/QĐ-UBND ngày 30-5-2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành *Quy định tạm thời nhiệm vụ, tiêu chuẩn đối với cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và*

thôn, tổ dân phố. Các quy định trước đây trái với quy định tại quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ tịch

PHÙNG QUANG HÙNG

QUY ĐỊNH TẠM THỜI

Bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quy trình tuyển chọn đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố

*(Ban hành kèm theo Quyết định số
36/2011/QĐ-UBND ngày 20-9-2011
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

Quy định về việc bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quy trình tuyển chọn những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và ở thôn, tổ dân phố.

Điều 2: Đối tượng áp dụng.

Cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ; những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố thuộc các chức danh quy

định tại Nghị quyết số 20/2010/NQ-HĐND ngày 3-8-2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, không bao gồm các chức danh: phó trưởng quân sự, dân quân thường trực ở cấp xã, thôn đội trưởng; phó trưởng công an, công an viên thường trực xã, công an viên thôn; trưởng ban, phó trưởng ban và ủy viên ban bảo vệ dân phố.

Chương II

BỐ TRÍ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ VÀ PHÂN CÔNG KIỂM NHIỆM CÁC CHỨC DANH HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH

Điều 3: Nguyên tắc bố trí cán bộ, công chức cấp xã.

1. Việc bố trí các chức danh cán bộ, công chức cấp xã phải căn cứ vào số lượng cán bộ, công chức được giao, theo đúng các chức vụ cán bộ và chức danh công chức quy định tại Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, đảm bảo các lĩnh vực công tác, các nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền đều có người đảm nhiệm.

2. Bầu cử giữ các chức vụ cán bộ cấp xã thực hiện theo quy định của *Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, Luật bầu cử hội đồng nhân dân*, Nghị quyết của Quốc hội, Điều lệ Đảng và điều lệ của các tổ chức chính trị - xã

hội, các quy định khác của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền. Trong đó, chức danh chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã do bí thư hoặc phó bí thư đảng ủy kiêm nhiệm.

3. Đối với các chức danh công chức cấp xã: Bố trí biên chế cho bảy chức danh công chức đã quy định, trong đó chức danh văn hóa - xã hội và chức danh địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường ở xã được bố trí hai người cho mỗi chức danh, số biên chế còn lại được bố trí theo thứ tự ưu tiên cho các chức danh khác như sau: tư pháp - hộ tịch, văn phòng - thống kê, tài chính - kế toán.

Điều 4: Phân công nhiệm vụ đối với các chức danh công chức.

Nhiệm vụ của bảy chức danh công chức cấp xã, gồm: trưởng công an, chỉ huy trưởng quân sự, văn phòng - thống kê, tài chính - kế toán, địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), tư pháp - hộ tịch, văn hóa - xã hội, thực hiện theo quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 30-5-2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định tạm thời nhiệm vụ, tiêu chuẩn các chức danh và phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở cấp xã, thôn và tổ dân phố. Ngoài ra, căn cứ chức năng, nhiệm vụ quy định,

tùy tình hình cụ thể của từng địa phương để phân công các chức danh công chức phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan trong triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Đối với một số chức danh công chức, quy định thực hiện thêm các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Trong hai công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), phân công như sau:

- Công chức nông nghiệp phát triển nông thôn và môi trường, ngoài chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV, trực tiếp giúp việc cho ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới ở xã, thị trấn, thường trực ban quản lý xây dựng nông thôn mới, tổ trưởng tổ giúp việc ban quản lý xây dựng nông thôn mới, giúp trưởng ban quản lý xây dựng nông thôn mới (là chủ tịch ủy ban nhân dân xã) triển khai tổ chức thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương;

- Công chức địa chính - xây dựng ngoài chức năng nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV, có nhiệm vụ quy hoạch đất đai trong sản xuất nông nghiệp, tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch nông thôn mới, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng khi cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã, thị trấn.

2. Trong hai công chức văn hóa - xã hội ở xã, phân công như sau:

- Công chức lao động - thương binh và xã hội, ngoài chức năng nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV, có thêm nhiệm vụ trực tiếp phụ trách lĩnh vực đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo cho lao động nông thôn trên địa bàn xã, thị trấn;

- Công chức văn hóa - thông tin truyền thông, ngoài chức năng nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV, giúp ban quản lý xây dựng nông thôn mới tổ chức tuyên truyền trong nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng khi cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, phát động phong trào toàn dân xây dựng nông thôn mới.

3. Công chức tài chính - kế toán ngoài chức năng nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV, giúp ban quản lý xây dựng nông thôn mới tổ chức tiếp nhận và sử dụng hiệu quả vốn hỗ trợ của Trung ương, tỉnh, huyện, xã, các tổ chức trong và ngoài nước để xây dựng nông thôn mới.

Các chức danh công chức khác nếu còn biên chế được bố trí nhiều hơn một người thì tùy theo yêu cầu nhiệm vụ để phân công mỗi người

phụ trách theo dõi một lĩnh vực công tác cho phù hợp và đảm bảo thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ quy định.

Điều 5: Bố trí kiêm nhiệm các chức danh hoạt động không chuyên trách cấp xã.

1. Việc bố trí các chức danh không chuyên trách ở cấp xã quy định hoạt động kiêm nhiệm theo hướng như sau: trưởng ban tổ chức đảng, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy, trưởng ban tuyên giáo đảng ủy, trưởng ban dân vận đảng ủy do các chức danh cán bộ lãnh đạo đảng ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp xã thuộc biên chế kiêm nhiệm; trưởng ban thanh tra nhân dân do lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã hoặc trưởng, phó các đoàn thể kiêm nhiệm; chức danh thủ quỹ - văn thư - lưu trữ do công chức văn phòng - thống kê hoặc chức danh văn phòng đảng ủy kiêm nhiệm; chức danh dân tộc - tôn giáo - thi đua khen thưởng do công chức văn phòng - thống kê, hoặc văn hóa - xã hội kiêm nhiệm; chức danh quản lý nhà văn hóa do chức danh phụ trách đài truyền thanh hoặc trưởng, phó các đoàn thể ở cấp xã kiêm nhiệm. Việc bố trí kiêm nhiệm cơ bản theo hướng nêu trên, tùy tình hình thực tế của địa phương để sắp xếp, bố trí cho phù hợp, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ.

2. Ngoài các chức danh quy định bố trí hoạt động kiêm nhiệm nêu trên, các chức danh hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã khuyến khích bố trí kiêm nhiệm, người kiêm nhiệm phải được bồi dưỡng hoặc đã đào tạo trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với tiêu chuẩn trình độ của chức danh kiêm nhiệm.

Điều 6: Bố trí kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

1. Đối với chức danh quy định hoạt động kiêm nhiệm gồm chức danh chi hội trưởng chữ thập đỏ và chức danh quản lý nhà văn hóa, tùy tình hình thực tế tại địa phương có thể bố trí các chức danh khác kiêm nhiệm sao cho phù hợp và đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

2. Các chức danh hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố khuyến khích bố trí kiêm nhiệm và người kiêm nhiệm phải được bồi dưỡng nghiệp vụ phù hợp với tiêu chuẩn chức danh.

Chương III

TIÊU CHUẨN VÀ NHIỆM VỤ NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH

Điều 7: Tiêu chuẩn chung những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố.

1. Là công dân Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Vĩnh Phúc; có tinh thần yêu nước, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với đường lối đổi mới của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; thạo việc, tận tụy với nhân dân.

2. Bản thân và gia đình gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có tác phong, lối sống giản dị, lành mạnh, thực hiện nếp sống văn minh; giữ gìn đoàn kết nội bộ.

3. Có lý lịch rõ ràng, có văn bằng chứng chỉ đáp ứng yêu cầu, có đơn xin làm hoặc được tổ chức lựa chọn giới thiệu bầu giữ chức danh những người hoạt động không chuyên trách.

4. Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; am hiểu về lĩnh vực được phân công phụ trách theo chức danh, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, có năng lực công tác đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao và được nhân dân tín nhiệm.

5. Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù, cải tạo không giam giữ, quản chế, đang bị áp dụng biện

pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

Điều 8: Tiêu chuẩn cụ thể những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

1. Tuổi đời

Thực hiện theo quy định tương ứng của luật, điều lệ của các tổ chức, đoàn thể đối với từng chức danh.

2. Trình độ văn hóa

Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

3. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

a) Đối với người giữ chức danh hoạt động không chuyên trách thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và hội phải có kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng, đoàn thể và hội; có khả năng truyền đạt nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; đã được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ (có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận), ưu tiên những người tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp có chuyên ngành phù hợp.

b) Đối với người giữ chức danh hoạt động không chuyên trách giúp việc cho ủy ban nhân dân cấp xã nên bố trí người đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên khi tham gia lần đầu, ưu tiên những người tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp có chuyên ngành phù hợp.

Trường hợp cá biệt không có người đủ tiêu chuẩn chuyên môn nêu trên phải tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương, có năng lực đảm nhiệm chức danh và sau khi bố trí công tác phải được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh đảm nhiệm.

4. Trình độ lý luận chính trị.

Đối với các chức danh hoạt động thuộc khối đảng có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên; các chức danh còn lại có trình độ sơ cấp lý luận chính trị trở lên. Trường hợp không có người đủ tiêu chuẩn trên thì sau khi bố trí công tác phải được bồi dưỡng lý luận chính trị phù hợp với chức danh đảm nhiệm.

Điều 9: Tiêu chuẩn cụ thể những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

1. Tuổi đời đủ 21 tuổi trở lên khi tham gia lần đầu giữ chức danh bí thư chi bộ, phó bí thư chi bộ, trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố.

2. Trình độ văn hóa tốt nghiệp trung học phổ thông.

3. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ sơ cấp trở lên khi tham gia lần đầu, ưu tiên những người tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp có chuyên ngành phù hợp. Trường hợp cá biệt không có người đủ tiêu chuẩn trên mà có năng lực đảm nhiệm chức danh, thì sau khi bố trí công tác phải được đào tạo, bồi dưỡng

chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh đảm nhiệm.

4. Trình độ lý luận chính trị từ sơ cấp trở lên đối với bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố. Trường hợp không có người đủ tiêu chuẩn trên, thì sau khi được bố trí công tác phải được bồi dưỡng lý luận chính trị tương đương trình độ sơ cấp trở lên.

Điều 10: Nhiệm vụ những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

1. Trưởng ban tổ chức đảng ủy:

a) Tham mưu chuẩn bị các nghị quyết, kế hoạch, chương trình của cấp ủy về công tác tổ chức, cán bộ, công tác đảng viên ở cơ sở.

b) Tổ chức hướng dẫn các chi bộ trực thuộc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch của cấp ủy cấp trên về công tác tổ chức, cán bộ và công tác đảng viên; tham mưu về công tác tổ chức, bộ máy ở cấp xã theo các nghị quyết, quyết định của cấp trên; giúp cấp ủy thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ ở cơ sở.

c) Tham mưu với cấp ủy về công tác nhận xét, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đãi ngộ đối với cán bộ thuộc diện quản lý của cơ sở.

d) Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, phát triển kinh tế - xã

hội ở địa phương; lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể tham gia giải phóng mặt bằng thực hiện các công trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

đ) Tham mưu, giúp cấp ủy chỉ đạo, hướng dẫn, tiến hành đại hội đảng ở các chi bộ trực thuộc và đại hội đảng bộ cơ sở.

2. Trưởng ban tuyên giáo đảng ủy:

a) Giúp cấp ủy xây dựng kế hoạch công tác tư tưởng, quy chế hoạt động của đảng bộ và chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác tư tưởng trên địa bàn; tham mưu chỉ đạo công tác tuyên truyền đến các tổ chức, đoàn thể, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và toàn thể nhân dân địa phương về xây dựng nông thôn mới, xây dựng và bảo vệ môi trường, đào tạo nghề và việc làm cho lao động nông thôn; tham gia chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng thực hiện các công trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

b) Tổ chức thực hiện công tác giáo dục lý luận chính trị, triển khai học tập chỉ thị, nghị quyết của Đảng và các chính sách, pháp luật hiện hành của Nhà nước; biên soạn lịch sử đảng bộ xã; giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

c) Thực hiện công tác tuyên truyền, đấu tranh chống mọi âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, chống những quan

điểm sai trái, lệch lạc, phản động, bài trừ hủ tục lạc hậu, văn hóa đồi trụy trong nội bộ nhân dân; trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ nắm bắt thông tin, dư luận xã hội tại địa phương.

d) Chỉ đạo thực hiện công tác khoa giáo, công tác văn hóa, xây dựng con người mới, xây dựng làng, xã văn hóa và xây dựng thiết chế văn hóa ở cơ sở.

3. Trưởng ban dân vận:

a) Phối hợp các thành viên trong khối dân vận tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, tham mưu tổ chức thực hiện công tác dân vận, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, thực hiện *Quy chế dân chủ ở cơ sở*.

b) Theo dõi hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể, kiểm tra tình hình, phản ánh diễn biến tư tưởng, nguyện vọng của nhân dân; sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, đề xuất và kiến nghị các vấn đề về công tác dân vận; xây dựng kế hoạch củng cố tổ chức, bồi dưỡng đào tạo, sử dụng và khen thưởng, động viên cán bộ trong khối dân vận.

c) Chủ trì tập hợp lực lượng, giúp cấp ủy, chính quyền địa phương trong vận động, thuyết phục nhân dân thực hiện giải phóng mặt bằng khi có quyết định thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; là nòng cốt tổ chức chương trình, nội dung vận động các tổ chức đoàn thể và nhân dân trong công cuộc xây dựng

nông thôn mới, xây dựng và bảo vệ môi trường, tham gia đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo tại địa phương.

d) Duy trì nền nếp, chế độ giao ban, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo với cấp ủy và ban dân vận cấp trên theo quy định.

4. Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy:

a) Cùng ủy ban kiểm tra đảng ủy xây dựng và quyết định phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra; tổ chức sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra của cấp ủy theo quy định; triệu tập, chủ trì hội nghị ủy ban kiểm tra đảng ủy.

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Đảng theo Điều lệ Đảng đối với các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên thuộc phạm vi quản lý; chỉ đạo công tác giải quyết các khiếu nại tố cáo tại địa bàn địa phương; chỉ đạo thanh tra nhân dân trong việc giám sát thực hiện chính sách, pháp luật, thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên trong thực hiện quy chế làm việc của ban chấp hành đảng bộ. Chủ động tham gia ý kiến và kiến nghị những vấn đề liên quan đến công tác cán bộ thuộc diện đảng ủy quản lý.

d) Chỉ đạo kiểm tra việc tổ chức, triển khai thực hiện các chương trình xây dựng nông thôn mới, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; tham gia công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi đất theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền để phục vụ cho các công trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

đ) Tổ chức kiểm tra thu nộp đảng phí ở các chi bộ trực thuộc, kiểm tra tài chính của cấp ủy cùng cấp.

5. Chức danh văn phòng đảng ủy:

a) Xây dựng và theo dõi việc thực hiện chương trình công tác, lịch làm việc của đảng ủy; tổng hợp, xây dựng các dự thảo, báo cáo của đảng ủy, tham mưu chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng ủy; phối hợp với cán bộ văn phòng ủy ban, các tổ chức, đoàn thể ở xã xác định cụ thể chương trình, mục tiêu xây dựng nông thôn mới, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo cho lao động nông thôn thuộc địa bàn xã, thị trấn.

b) Quản lý công văn, sổ sách, giấy tờ, quản lý hồ sơ lưu trữ, lập biểu báo cáo thống kê.

c) Giúp tổ chức các kỳ họp ban thường vụ, ban chấp hành đảng ủy cấp xã.

d) Đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động của đảng ủy, các kỳ họp đảng ủy và đại hội đảng bộ cấp xã.

đ) Giúp đảng ủy tổng hợp, báo cáo về công tác thi đua, khen thưởng ở đảng bộ.

6. Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ:

a) Lãnh đạo và chỉ đạo các hoạt động của Hội Chữ thập đỏ cơ sở, xây dựng hội vững mạnh, phát triển hội viên, thanh thiếu niên chữ thập đỏ và tình nguyện viên chữ thập đỏ.

b) Tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền cơ sở tổ chức triển khai và thực hiện có hiệu quả các hoạt động nhân đạo ở cơ sở.

c) Chỉ đạo công tác vận động xây dựng quỹ; thu, nộp hội phí; quản lý và sử dụng quỹ theo quy định.

7. Chủ tịch Hội Người cao tuổi:

a) Thay mặt ban chấp hành, ban thường vụ Hội Người cao tuổi điều hành hoạt động thường xuyên của Hội Người cao tuổi ở cơ sở.

b) Chủ trì các cuộc họp ban chấp hành, ban thường vụ Hội Người cao tuổi ở cơ sở.

c) Phụ trách một số công việc do cấp ủy, chính quyền địa phương và Hội Người cao tuổi cấp trên giao.

d) Tuyên truyền, hướng dẫn người cao tuổi vận động gia đình tham gia xây dựng nông thôn mới, thực hiện giải phóng mặt bằng khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền để phục vụ cho phát triển công nghiệp và các công trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

8. Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc:

a) Cùng tập thể Ban Thường trực tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, quy chế hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cơ sở; chỉ đạo, tham mưu xây dựng đội ngũ và hướng dẫn hoạt động đối với Ban công tác mặt trận ở thôn, tổ dân phố.

b) Giúp chủ tịch Mặt trận Tổ quốc trong việc phối hợp với chính quyền, các đoàn thể cùng cấp vận động, hướng dẫn cán bộ, hội viên tổ chức mình, các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, hiệp thương bầu cử xây dựng chính quyền, thực hiện dân chủ tại xã, phường, thị trấn, các phong trào thi đua theo chương trình nghị quyết của Mặt trận Tổ quốc cấp trên; thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nhà đại đoàn kết ở địa phương.

c) Tham gia là thành viên ban quản lý xây dựng nông thôn mới, trực tiếp vận động nhân dân, các đoàn thể trong xã hội tham gia xây dựng nông thôn mới; trực tiếp tham gia vận động nhân dân thực hiện giải phóng mặt bằng khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền để phục vụ cho phát triển công nghiệp và các công trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

d) Bám sát các hoạt động phong trào, định kỳ tổ chức, kiểm tra, đánh giá, báo cáo với cấp

ủy cùng cấp và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp trên về hoạt động của tổ chức mình.

9. Phó chủ tịch Hội Phụ nữ:

a) Giúp chủ tịch Hội Phụ nữ chuẩn bị nội dung, triệu tập các kỳ họp, tổ chức đại hội hết nhiệm kỳ của Hội cơ sở.

b) Cùng tập thể ban thường vụ, ban chấp hành Hội xây dựng chương trình kế hoạch công tác, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội cơ sở và các phong trào thi đua do Hội Phụ nữ cấp trên đề ra.

c) Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá, báo cáo về hoạt động của Hội Phụ nữ cơ sở với cấp ủy và Hội Phụ nữ cấp trên theo quy định.

d) Giúp chủ tịch Hội trong việc tham mưu xây dựng đội ngũ cán bộ Hội cơ sở và các chi hội; chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động đối với các chi hội phụ nữ ở thôn, tổ dân phố; đề xuất với chính quyền địa phương chăm lo đời sống, bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ, trẻ em, hướng dẫn phụ nữ xây dựng và tổ chức cuộc sống gia đình, chấp hành pháp luật của Nhà nước và bảo vệ quyền lợi của hội viên.

đ) Vận động hội viên phụ nữ thuộc địa bàn xã tham gia chương trình xây dựng nông thôn mới, đào tạo nghề, xóa nghèo, phát triển kinh tế gia đình, thực hiện giải phóng mặt bằng khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền để phục

vụ cho phát triển công nghiệp và các công trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

10. Phó chủ tịch Hội Nông dân:

a) Cùng chủ tịch Hội Nông dân xây dựng chương trình kế hoạch công tác, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội cơ sở; chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động đối với các chi hội nông dân ở thôn, tổ dân phố.

b) Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn cán bộ, hội viên và nhân dân tham gia xây dựng chính quyền, phát huy dân chủ, tham gia các phong trào do Hội Nông dân cấp trên đề ra.

c) Giúp chủ tịch Hội Nông dân tham mưu xây dựng đội ngũ cán bộ của Hội cơ sở và các chi hội nông dân ở thôn, tổ dân phố.

d) Giúp hội viên và nhân dân tham gia đào tạo nghề, phát triển kinh tế gia đình, xây dựng nông thôn mới theo chức năng, nhiệm vụ được giao; trực tiếp tham gia vận động hội viên và nhân dân thực hiện giải phóng mặt bằng khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền để phục vụ cho phát triển công nghiệp và các công trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

đ) Tổ chức theo dõi, đánh giá, kiểm tra, báo cáo với cấp ủy và tổ chức Hội cấp trên về tình hình hoạt động của Hội Nông dân ở cơ sở theo quy định.

11. Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh:

a) Giúp chủ tịch Hội thực hiện các nhiệm vụ mà chủ tịch Hội giao cho, thay mặt chủ tịch khi được ủy quyền; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, kiểm tra của Hội, tổ chức triển khai, chỉ đạo thực hiện đối với các chi hội, phân hội và hội viên.

b) Hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện động viên cán bộ, hội viên phát triển kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo, tham gia chương trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương; xây dựng quỹ vốn, thu nộp hội phí, quản lý tài chính của Hội; tổ chức các hoạt động tình nghĩa nội bộ; tham gia vận động hội viên và nhân dân thực hiện giải phóng mặt bằng khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền để phục vụ cho phát triển công nghiệp và các công trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

c) Chủ động phối hợp với các ngành, đoàn thể thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh ở cơ sở.

d) Theo dõi, nắm bắt và tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động công tác Hội trong các hội nghị ban thường vụ, ban chấp hành, báo cáo lên tổ chức Hội cấp trên và cấp ủy địa phương theo quy định.

12. Phó bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:

a) Cùng bí thư Đoàn cơ sở chuẩn bị nội dung, chương trình, triệu tập các kỳ họp, tổ

chức đại hội hết nhiệm kỳ; xây dựng kế hoạch công tác, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động đối với các chi đoàn ở thôn, tổ dân phố; tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền công tác chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng trên địa bàn.

b) Trực tiếp phụ trách Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam ở cơ sở.

c) Tổ chức các hoạt động đoàn kết, tập hợp lực lượng thanh niên theo quy định; tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo nghề, tạo thêm việc làm và thu nhập cho cán bộ đoàn viên, thanh niên, tạo nguồn kinh phí cho hoạt động công tác đoàn; trực tiếp vận động đoàn viên, thanh niên thuộc địa bàn xã tham gia chương trình xây dựng nông thôn mới; thực hiện giải phóng mặt bằng khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền để phục vụ cho phát triển công nghiệp và các công trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

d) Cùng bí thư Đoàn tham mưu với cấp ủy Đảng cơ sở trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ của các chi đoàn ở thôn, tổ dân phố.

đ) Tổ chức kiểm tra, đánh giá, báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức Đoàn cơ sở theo quy định.

13. Phó chủ tịch Hội Người cao tuổi:

a) Giúp chủ tịch Hội phụ trách các phong trào thi đua, các cuộc vận động, các hoạt động

văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, các câu lạc bộ người cao tuổi.

b) Phụ trách công tác kiểm tra, thi đua khen thưởng của Hội.

c) Tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động của Hội theo quy định.

d) Trực tiếp tuyên truyền, hướng dẫn người cao tuổi vận động gia đình tham gia thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, giải phóng mặt bằng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền để phục vụ cho phát triển công nghiệp và các công trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

14. Phó chủ tịch Hội Chữ thập đỏ:

a) Cùng chủ tịch Hội xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác của Hội, tổ chức triển khai tới các tầng lớp nhân dân thực hiện các hoạt động nhân đạo ở cơ sở theo quy định.

b) Tuyên truyền các giá trị nhân đạo về truyền thống nhân ái, tình yêu thương con người, tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam về Hội Chữ thập đỏ, về chính sách, pháp luật của Nhà nước trong hoạt động chữ thập đỏ, về pháp luật nhân đạo quốc tế và các nguyên tắc cơ bản của phong trào chữ thập đỏ, trăng lưới liềm đỏ quốc tế.

c) Phụ trách công tác tài chính, xây dựng và quản lý quỹ Hội.

15. Trưởng ban thanh tra nhân dân:

a) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện quy chế dân chủ ở cấp xã, thôn, tổ dân phố.

b) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì kiến nghị người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật và giám sát thực hiện kiến nghị đó.

c) Kiến nghị với chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã khắc phục sơ hở, thiếu sót được phát hiện qua việc giám sát, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, biểu dương những đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý.

16. Chức danh dân tộc - tôn giáo - thi đua khen thưởng:

a) Giúp ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch về hoạt động công tác dân tộc, tôn giáo, thi đua khen thưởng.

b) Triển khai, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với giáo dân, đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các chính sách về thi đua khen thưởng.

c) Phối hợp với các bộ phận chuyên môn ở cấp xã thực hiện nhiệm vụ liên quan đến tôn giáo, đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, công tác thi đua khen thưởng.

d) Nắm bắt và phản ánh kịp thời nguyện vọng chính đáng của giáo dân, đồng bào dân tộc thiểu số với cơ quan chuyên môn cấp trên và cấp có thẩm quyền.

đ) Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn đồng bào tôn giáo, dân tộc thiểu số tham gia xây dựng nông thôn mới, thực hiện giải phóng mặt bằng phục vụ các công trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

17. Chức danh thủ quỹ - văn thư - lưu trữ:

a) Quản lý tiền mặt, tài sản của ủy ban nhân dân theo đúng quy định. Chấp hành tuyệt đối, nghiêm túc các quy định về quản lý tiền mặt.

b) Thường xuyên kiểm tra kho, tài sản cơ quan được giao quản lý, kịp thời đề xuất các biện pháp bảo vệ kho và tài sản an toàn.

c) Phối hợp chặt chẽ với kế toán cơ quan trong quá trình giải quyết công việc được giao, có đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách theo quy định.

d) Định kỳ báo cáo về quỹ tiền mặt với chủ tài khoản một tháng một lần vào ngày cuối tháng. Chỉ được xuất tiền mặt, tài sản văn phòng phẩm khi có ý kiến của lãnh đạo cơ quan.

đ) Tiếp nhận, đăng ký văn bản đến.

e) Trình chuyển giao văn bản đến cho các đơn vị, cá nhân.

g) Bảo quản, sử dụng con dấu của cơ quan, tổ chức và các loại con dấu khác.

18. Cán bộ phụ trách đài truyền thanh:

a) Chạy máy truyền thanh và sửa chữa hệ thống đường dây, loa.

b) Biên tập, khai thác thông tin phục vụ tuyên truyền.

c) Phổ biến chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước và của địa phương.

d) Tiếp âm đài trung ương, tỉnh, huyện.

đ) Viết, đọc các bản tin, thông báo của địa phương.

19. Chức danh nhân viên thú y:

a) Là thành viên tổ giúp việc ban quản lý xây dựng nông thôn mới ở xã, thị trấn; có trách nhiệm theo dõi tình hình phát triển đàn gia súc, gia cầm, vật nuôi, tình hình dịch bệnh, tổ chức triển khai nhiệm vụ về công tác thú y theo chương trình xây dựng nông thôn mới tại địa bàn.

b) Tham gia xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến khích phát triển chăn nuôi thú y và chuyển đổi cơ cấu vật nuôi; tổng hợp, hướng dẫn thực hiện kế hoạch phát triển chăn nuôi, quy trình sản xuất, thực hiện các biện pháp kỹ thuật về chăn nuôi, thú y; theo dõi hoạt động đối với hệ thống cung cấp dịch vụ công về chăn nuôi, thú y và cá nhân kinh doanh thuốc thú y; thực hiện công tác khuyến nông về thú y theo quy hoạch, kế hoạch được

phê duyệt và các dịch vụ về thú y trên địa bàn xã theo quy định.

c) Tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách và chuyên môn nghiệp vụ về chăn nuôi, thú y; trực tiếp phụ trách, điều hành mạng lưới thú y thôn, bản (nếu có) trên địa bàn.

d) Báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình dịch bệnh động vật, công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn xã cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (kinh tế), trạm thú y cấp huyện và ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động chăn nuôi, thú y do phòng chuyên môn cấp huyện, trạm thú y cấp huyện và ủy ban nhân dân cấp xã giao.

20. Chúc danh nông nghiệp - phát triển nông thôn:

a) Là tổ phó tổ giúp việc ban quản lý xây dựng nông thôn mới ở xã, thị trấn; có trách nhiệm theo dõi tình hình phát triển nông nghiệp và chương trình xây dựng nông thôn mới thuộc địa bàn.

b) Hướng dẫn, cung cấp thông tin đến người sản xuất, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tiến bộ khoa học và công nghệ, thông tin thị trường, giá cả, chế độ, chính sách và chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện tư vấn và dịch vụ trong các lĩnh vực

về trồng trọt, bảo vệ thực vật, phổ biến điển hình trong sản xuất nông lâm ngư nghiệp.

c) Tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến khích phát triển cây trồng; chuyển dịch cơ cấu cây trồng và cơ cấu mùa vụ.

d) Tổng hợp, báo cáo kịp thời tình hình trồng trọt và dịch hại cây trồng; đề xuất, hướng dẫn biện pháp kỹ thuật phòng trừ dịch bệnh cây trồng theo kế hoạch, hướng dẫn của trạm bảo vệ thực vật cấp huyện.

đ) Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo truyền nghề cho người sản xuất để nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất, quản lý kinh tế; tổ chức tham quan, khảo sát, học tập cho người sản xuất.

e) Xây dựng các mô hình trình diễn về tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với địa phương, nhu cầu của người sản xuất và chuyển giao kết quả từ mô hình trình diễn ra diện rộng.

g) Tiếp thu và phản ánh lên cấp có thẩm quyền nguyện vọng của nông dân về khoa học và công nghệ, cơ chế chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác do trạm bảo vệ thực vật, trạm khuyến nông cấp huyện và ủy ban nhân dân cấp xã giao.

i) Thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng nông thôn mới theo quy định của Trung ương và của tỉnh.

21. Chức danh đào tạo nghề và việc làm:

a) Là thành viên tổ giúp việc ban quản lý xây dựng nông thôn mới ở xã, thị trấn; có trách nhiệm theo dõi toàn bộ tình hình đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo thuộc địa bàn. Phụ trách và quản lý nguồn lao động, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho người lao động; hướng dẫn nội dung học nghề, phát triển ngành nghề, giới thiệu việc làm, tổ chức việc đào tạo bồi dưỡng nghề gắn với việc làm.

b) Là đầu mối tổ chức giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; thường trực thực hiện đề án dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn ở địa phương, có trách nhiệm nắm nguồn lao động và biến động nguồn lao động, cung cầu và biến động cung cầu lao động tại địa bàn.

c) Giúp ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ công tác về dạy nghề trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Thống kê nguồn lao động, nhu cầu việc làm trong độ tuổi của xã báo cáo ủy ban nhân dân xã trình ủy ban nhân dân cấp huyện để cân đối nguồn lao động, tạo việc làm, dạy nghề, xuất khẩu lao động, xóa nghèo.

đ) Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật về lĩnh vực dạy nghề, việc làm và giảm nghèo.

e) Thực hiện công tác thống kê báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực dạy nghề, việc làm và giảm nghèo trên địa bàn cấp xã theo quy định.

22. Chức danh quản lý nhà văn hóa:

a) Tổ chức các hoạt động văn hóa - thể thao, vui chơi giải trí cho các đối tượng và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn; hướng dẫn, giúp đỡ về chuyên môn nghiệp vụ cho các nhà văn hóa thôn, tổ dân phố, câu lạc bộ văn hóa, thể dục thể thao ở thôn, tổ dân phố.

b) Duy trì hoạt động có hiệu quả: thư viện, phòng truyền thống, phòng internet, các hoạt động giao lưu văn hóa giữa các địa phương. Hướng dẫn thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, kỷ niệm ngày truyền thống..., xây dựng nông thôn mới.

c) Tham gia, tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao do cấp huyện tổ chức.

23. Chức danh môi trường:

a) Là thành viên tổ giúp việc ban quản lý xây dựng nông thôn mới ở xã, thị trấn; có trách nhiệm theo dõi toàn bộ tình hình môi trường thuộc địa bàn, là thường trực giúp ban quản lý xây dựng nông thôn mới tổ chức thực hiện công tác về môi trường nông thôn theo chương trình xây dựng nông thôn mới.

b) Thực hiện thống kê, theo dõi, giám sát tình hình khai thác, sử dụng và bảo vệ tài

nguyên nước; tham gia công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

c) Đăng ký và kiểm tra các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện cam kết bảo vệ môi trường theo ủy quyền của ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Triển khai thực hiện kế hoạch và các nhiệm vụ cụ thể về giữ gìn vệ sinh môi trường đối với các khu dân cư, hộ gia đình và các hoạt động bảo vệ môi trường nơi công cộng trên địa bàn theo phân công của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Tham gia hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật; phát hiện các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

e) Báo cáo công tác về lĩnh vực tài nguyên, môi trường và thực hiện các nhiệm vụ khác do ủy ban nhân dân cấp xã giao.

24. Chức danh cộng tác viên phòng, chống tệ nạn xã hội:

a) Giúp cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn triển khai và thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn địa phương.

b) Rà soát, nắm bắt thực trạng, di biến động của các đối tượng HIV/AIDS, ma túy, mại dâm, các đối tượng có hành vi xâm hại phụ nữ, trẻ em tại địa bàn xã, phường, thị trấn.

c) Thực hiện báo cáo đột xuất, định kỳ hằng tháng, hằng quý và sáu tháng, một năm theo quy định.

25. Chức danh cộng tác viên thể dục thể thao:

a) Thực hiện nhiệm vụ do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao về phát triển thể dục thể thao cơ sở.

b) Xây dựng và tổ chức mạng lưới năng khiếu thể dục thể thao nghiệp dư, từ đó phát triển các tài năng thể thao cung cấp vận động viên cho đội tuyển năng khiếu thể thao của tỉnh.

c) Báo cáo định kỳ hằng quý kết quả thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở về Phòng Văn hóa - Thông tin.

26. Chức danh khuyến công:

a) Là thành viên tổ giúp việc ban quản lý xây dựng nông thôn mới ở xã, thị trấn; có trách nhiệm theo dõi tình hình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề theo chương trình xây dựng nông thôn mới; tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân, các cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn quy định của Nhà nước và của tỉnh về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề.

b) Theo dõi, nắm bắt tình hình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề của địa phương về số lượng cơ sở sản xuất, số lượng lao động, thu nhập của lao động, thị trường, tình hình môi trường, các ngành nghề mới được du nhập và triển vọng; việc thành lập, giải thể các tổ chức, cơ sở sản xuất trên địa bàn.

c) Nắm bắt, cung cấp cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động sản xuất - kinh doanh trên địa bàn về thông tin thương mại, thị trường tiềm năng.

d) Tổng hợp ý kiến kiến nghị, khó khăn vướng mắc cần giải quyết, tạo điều kiện cho ngành nghề phát triển.

đ) Định kỳ hằng tháng, quý, năm báo cáo tình hình hoạt động khuyến công với ủy ban nhân dân cấp xã, phòng kinh tế cấp huyện, Trung tâm Khuyến công tỉnh. Báo cáo đột xuất theo yêu cầu công việc.

e) Thực hiện một số công việc đột xuất khác liên quan đến hoạt động khuyến công do ủy ban nhân dân cấp xã giao.

Điều 11: Nhiệm vụ những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:

1. Bí thư chi bộ:

a) Chịu trách nhiệm chung về công tác lãnh đạo của chi ủy, chi bộ, trực tiếp làm công tác tư tưởng, đề xuất phân công công tác cho chi ủy viên và đảng viên của chi bộ; theo dõi, đôn đốc

các hoạt động của chi bộ; phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; thường xuyên nắm sát tình hình, dự báo chiều hướng phát triển về tư tưởng chi bộ.

b) Chỉ đạo trực tiếp đối với các tổ chức, đoàn thể và nhân dân tại địa bàn thôn và tham gia ban phát triển thôn trong chương trình xây dựng nông thôn mới, thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền để phục vụ các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

c) Giữ mối quan hệ chặt chẽ với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng ban công tác mặt trận và các chi hội đoàn thể nhân dân ở thôn, tổ dân phố, đảm bảo thực hiện mọi nhiệm vụ của thôn, tổ dân phố.

d) Cùng chi ủy chuẩn bị ra nghị quyết và triển khai thực hiện nghị quyết của chi bộ; chuẩn bị nội dung sinh hoạt chi ủy, chủ trì sinh hoạt chi ủy; chuẩn bị nội dung sinh hoạt thường kỳ của chi bộ, chủ trì sinh hoạt chi bộ; tổ chức thực hiện nghị quyết chi bộ, phân công trách nhiệm, kiểm tra, sơ kết, tổng kết nghị quyết.

2. Phó bí thư chi bộ:

a) Cùng bí thư chi bộ điều hành hoạt động của chi bộ, giải quyết các công việc hằng ngày và thực hiện nhiệm vụ do bí thư chi bộ ủy nhiệm.

b) Tham gia chỉ đạo đối với các tổ chức, đoàn thể và nhân dân tại địa bàn thôn trong chương trình xây dựng nông thôn mới, thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn khi có quyết định giải phóng mặt bằng của cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

c) Trực tiếp phụ trách công tác kiểm tra Đảng, lưu trữ hồ sơ và công tác xây dựng Đảng, công tác bảo vệ chính trị nội bộ; thay mặt bí thư chi bộ giải quyết công việc khi bí thư đi vắng; trường hợp khuyết bí thư chi bộ thì phó bí thư thực hiện nhiệm vụ cho đến khi chi bộ bầu được bí thư mới.

3. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố:

a) Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố để bàn và tổ chức thực hiện các quyết định của thôn, tổ dân phố; thực hiện các nhiệm vụ do ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn giao.

b) Chủ trì tổ chức cho nhân dân trong thôn thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch của tỉnh, huyện và xã; là thành viên ban phát triển thôn, trực tiếp tham gia và vận động nhân dân trong thôn xây dựng nông thôn mới, thực hiện công tác giải phóng mặt bằng thuộc địa bàn thôn khi có quyết định giải phóng mặt bằng của cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

c) Tổ chức cho nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở theo đúng quy định.

d) Tổ chức xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.

đ) Bảo đảm đoàn kết, giữ gìn trật tự an toàn trong thôn, tổ dân phố.

e) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ do ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn giao; đặc biệt là thực hiện và duy trì trật tự, kỷ cương về đất đai, xây dựng thuộc địa bàn.

g) Tập hợp, phản ánh và đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

h) Trên cơ sở nghị quyết của hội nghị thôn, trưởng thôn ký hợp đồng dịch vụ phục vụ sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn.

i) Được ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn mời dự họp về các vấn đề liên quan. Thực hiện báo cáo kết quả công tác với ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.

k) Quản lý tài chính ở thôn, tổ dân phố.

4. Phó trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố:

Cùng với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổ chức thực hiện các hoạt động của thôn, tổ dân phố; thay mặt trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố điều hành giải quyết công việc khi trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố vắng mặt; trường hợp khuyết trưởng thôn, tổ trưởng tổ

dân phố thì phó trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ cho đến khi thôn, tổ dân phố bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới.

5. Trưởng ban công tác mặt trận:

a) Tập hợp các thành viên của Mặt trận để tổ chức thực hiện chương trình hành động và phối hợp thống nhất hành động giữa các thành viên.

b) Phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của hội đồng nhân dân, quyết định của ủy ban nhân dân, chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; thu thập, phản ánh các ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân ở khu dân cư với cấp ủy Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; động viên nhân dân giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ công chức nhà nước; phối hợp thực hiện pháp luật, thực hiện dân chủ ở cơ sở và hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư.

c) Là thành viên ban phát triển thôn, phối hợp với các tổ chức đoàn thể vận động, thuyết phục nhân dân trong thôn thực hiện tốt chương trình xây dựng nông thôn mới, thực hiện giải

phóng mặt bằng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền để phát triển công nghiệp và phục vụ các công trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Chi hội trưởng chi hội phụ nữ:

a) Chịu trách nhiệm phụ trách và tổ chức sinh hoạt chi hội phụ nữ, tổ chức các hoạt động của chi hội theo đúng Điều lệ Hội.

b) Giáo dục, hướng dẫn phụ nữ giữ gìn, phát huy phẩm chất tốt đẹp của dân tộc và người phụ nữ Việt Nam, tạo điều kiện để phụ nữ được tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Là thành viên ban phát triển thôn; đoàn kết, tập hợp, tuyên truyền, giáo dục, vận động, tổ chức hướng dẫn phụ nữ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh trật tự ở địa phương; vận động hội viên phụ nữ trong thôn cùng gia đình thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, tham gia giải phóng mặt bằng phục vụ phát triển công nghiệp và các công trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

d) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ và đột xuất với Hội cấp trên theo quy định.

7. Chi hội trưởng chi hội cựu chiến binh:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của chi hội hằng tháng, quý và cả năm.

b) Nắm tình hình tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng, những kiến nghị của hội viên để giúp đỡ, giải quyết, báo cáo Hội cấp trên và cấp ủy, chính quyền địa phương; là thành viên ban phát triển thôn, vận động hội viên trong chi hội cùng với gia đình thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, giải phóng mặt bằng để phục vụ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

c) Chủ động nghiên cứu đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt và hoạt động của chi hội, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của chi hội.

d) Tổ chức xây dựng, quản lý và sử dụng quỹ vốn của chi hội, thu nộp hội phí đúng quy định. Tổ chức tốt các hoạt động tình nghĩa nội bộ, phong trào thi đua cựu chiến binh gương mẫu trong chi hội.

đ) Thực hiện chế độ nắm tình hình, báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất theo quy định.

8. Chi hội trưởng chi hội nông dân:

a) Tuyên truyền, vận động, tập hợp và làm nòng cốt tổ chức các phong trào nông dân cùng nhau phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh; là thành viên ban phát triển thôn, vận động và thuyết phục hội viên cùng gia đình tham gia xây dựng nông thôn mới, thực hiện giải phóng mặt bằng khi có quyết

định của cơ quan có thẩm quyền để phục vụ các dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, nông dân, bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên nông dân.

c) Đoàn kết, tập hợp đông đảo nông dân vào tổ chức hội, phát triển và nâng cao chất lượng hội viên. Xây dựng tổ chức hội vững mạnh về mọi mặt.

d) Tổ chức thảo luận, giao lưu giữa các chi, tổ hội, thôn, xóm để học hỏi trao đổi kinh nghiệm, các tiến bộ khoa học - kỹ thuật để áp dụng vào đời sống thực tiễn.

9. Chi hội trưởng chi hội người cao tuổi:

a) Tổ chức và thực hiện việc chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi theo các nội dung chương trình hành động của ban chấp hành cơ sở hội.

b) Phổ biến và tổ chức thực hiện điều lệ hội và nghị quyết, chỉ thị của hội, quản lý hội viên, thu và quản lý sử dụng quỹ hội, tuyên truyền phát triển hội viên mới.

c) Tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, tham gia ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố; là thành viên ban phát triển thôn, hướng dẫn hội viên vận động gia đình tham gia xây dựng nông thôn mới, thực hiện

giải phóng mặt bằng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền để phục vụ các công trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

d) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo với hội cơ sở về tổ chức và hoạt động của đơn vị mình phụ trách.

10. Chi hội trưởng chi hội chữ thập đỏ:

a) Trực tiếp phụ trách chi hội chữ thập đỏ của thôn, tổ dân phố.

b) Tổ chức và thực hiện các hoạt động theo nội dung chương trình hành động của ban chấp hành cơ sở hội trong hoạt động chữ thập đỏ tại thôn, tổ dân phố.

c) Thực hiện công tác tuyên truyền, phát triển hội viên thuộc phạm vi thôn, tổ dân phố.

d) Thu và quản lý, sử dụng quỹ hội đúng quy định.

đ) Thực hiện các chế độ báo cáo với hội cơ sở về tổ chức và hoạt động của chi hội.

11. Bí thư chi đoàn thanh niên:

a) Chịu trách nhiệm chính trước cấp ủy và tổ chức đoàn cấp trên trực tiếp về công tác đoàn ở đơn vị thôn, tổ dân phố. Tiếp nhận sự lãnh đạo của đoàn cơ sở quản lý và cấp ủy Đảng cùng cấp, từ đó căn cứ tình hình địa phương, đơn vị, tình hình thanh niên để thiết kế, tổ chức, thực hiện các hoạt động đoàn; điều hành, quản lý các công việc của chi đoàn.

b) Là cầu nối giữa chi đoàn với đoàn cấp trên và cấp ủy, chịu trách nhiệm về hoạt động của chi đoàn đối với đoàn cấp trên. Thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động của chi đoàn đối với đoàn cấp trên và cấp ủy.

c) Là thành viên ban phát triển thôn, có trách nhiệm tuyên truyền, vận động đoàn viên, thanh niên trong thôn tham gia thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, thực hiện giải phóng mặt bằng khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền để phục vụ các công trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

d) Phản ánh, đề xuất kiến nghị của đoàn viên thanh niên ở đơn vị với tổ chức đoàn cấp trên và cấp ủy.

12. Chức danh quản lý nhà văn hóa thôn, tổ dân phố.

a) Xây dựng các chương trình, kế hoạch hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, báo cáo ủy ban nhân dân xã và tổ chức các hoạt động sau khi được phê duyệt.

b) Tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao quần chúng; các cuộc giao lưu, liên hoan, hội diễn văn nghệ; duy trì hoạt động các loại hình câu lạc bộ.

c) Tham gia các hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội... và xây dựng nông thôn mới.

d) Vận động nhân dân và huy động các nguồn vốn khác để xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả thiết chế văn hóa.

Chương IV

QUY TRÌNH TUYỂN CHỌN NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH

Điều 12: Quy trình tuyển chọn những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố đối với các chức danh thông qua bầu cử.

Việc lựa chọn nhân sự để bầu giữ các chức danh hoạt động không chuyên trách thông qua bầu cử phải đảm bảo tiêu chuẩn quy định tại Quyết định này; quy trình nhân sự, bầu cử được thực hiện theo các quy định của Trung ương và của tỉnh, điều lệ của tổ chức đối với từng chức danh.

Điều 13: Quy trình tuyển chọn những người hoạt động không chuyên trách thuộc các chức danh không thông qua bầu cử.

1. Thành lập hội đồng tuyển chọn:

Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập hội đồng tuyển chọn những người hoạt động không chuyên trách (các chức danh không thông qua bầu cử) do chủ tịch ủy ban nhân dân

cấp xã làm chủ tịch hội đồng. Hội đồng tuyển chọn có từ 5 đến 9 người, gồm: chủ tịch ủy ban nhân dân; phó bí thư đảng ủy hoặc thường trực đảng ủy; chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc phó chủ tịch hội đồng nhân dân; phó chủ tịch ủy ban nhân dân và các thành viên khác do chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn.

2. Thông báo tuyển chọn:

Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ nhu cầu công việc, số lượng được bố trí để xác định số người và chức danh cụ thể cần tuyển chọn, thông báo công khai trên hệ thống truyền thanh, dán thông báo công khai tại ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trước khi tổ chức tuyển chọn tối thiểu là 20 ngày.

3. Tiếp nhận hồ sơ tuyển chọn:

Hội đồng tuyển chọn thực hiện tiếp nhận hồ sơ của người dự tuyển, hồ sơ gồm:

a) Đơn xin làm việc hoạt động không chuyên trách.

b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Bản sao giấy khai sinh có chứng thực.

d) Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên trong thời hạn 60 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.

đ) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ đáp ứng yêu cầu của từng chức danh.

4. Thực hiện tuyển chọn:

a) Hội đồng tuyển chọn đối chiếu với tiêu chuẩn quy định tại Quyết định này để lựa chọn những người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn giữ các chức danh, lập danh sách những người được tuyển chọn và có biên bản gửi chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Trường hợp có nhiều người đủ tiêu chuẩn theo quy định ở cùng một chỉ tiêu chức danh thì lựa chọn người có tiêu chuẩn cao hơn theo thứ tự ưu tiên như sau: Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tiêu chuẩn về tuổi đời, tiêu chuẩn về trình độ lý luận chính trị, kinh nghiệm thực tiễn và am hiểu về lĩnh vực phụ trách.

5. Quyết định bố trí công tác:

a) Căn cứ biên bản của hội đồng tuyển chọn, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định bố trí công tác đối với người hoạt động không chuyên trách thuộc danh sách được tuyển chọn.

b) Thời gian thẩm định và ban hành quyết định là 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Ký hợp đồng làm việc:

a) Căn cứ văn bản thẩm định và quyết định bố trí công tác, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện ký hợp đồng làm việc đối với những

người hoạt động không chuyên trách trên cơ sở thoả thuận các điều kiện đảm bảo về yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm của mỗi bên, kèm theo các điều khoản liên quan xử lý vi phạm hợp đồng.

b) Việc ký kết, thay đổi, chấm dứt hợp đồng làm việc và giải quyết tranh chấp giữa các bên vận dụng thực hiện theo các quy định của pháp luật về hợp đồng lao động.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14: Trách nhiệm thi hành.

1. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Quyết định này.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng phương án khoán kinh phí hằng năm cho từng đơn vị, báo cáo ủy ban nhân dân tỉnh trình hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp cuối năm.

3. Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này ở cấp xã trong phạm vi huyện, thành phố, thị xã và tổng hợp báo cáo về Sở Nội vụ theo quy định.

4. Bí thư Đảng ủy và chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này; tổng hợp, báo cáo cấp trên trực tiếp theo quy định.

5. Các sở, ban, ngành, các cơ quan, đoàn thể liên quan, ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết thêm về nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh hoạt động không chuyên trách thuộc lĩnh vực quản lý, bố trí kiêm nhiệm tùy theo tình hình thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể tại từng đơn vị.

6. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Phần thứ nhất</i>	
HỎI - ĐÁP MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ	9
I- Tổng quan về quy chế	9
<i>Câu hỏi 1:</i> Quy chế là gì?	9
<i>Câu hỏi 2:</i> Tại sao mọi tổ chức đều phải có quy chế hoạt động của mình?	10
II- Những quy định chung	11
<i>Câu hỏi 3:</i> Thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc...; tổ dân phố, khu phố, khóm... có phải là một cấp hành chính thuộc ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn không?	11
<i>Câu hỏi 4:</i> Tổ chức thôn và tổ dân phố chịu sự quản lý trực tiếp của cơ quan nào?	11
<i>Câu hỏi 5:</i> Ai là người bầu ra và ai là người công nhận trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố?	12
<i>Câu hỏi 6:</i> Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm gì và chịu sự quản lý, điều hành của ai?	12

<i>Câu hỏi 7:</i> Số lượng cán bộ ở thôn, tổ dân phố được quy định như thế nào?	13
<i>Câu hỏi 8:</i> Nhiệm kỳ của trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố tối đa là bao nhiêu năm?	14
<i>Câu hỏi 9:</i> Quyền lợi của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được hưởng như thế nào?	14
III- Tổ chức và hoạt động của thôn	15
<i>Câu hỏi 10:</i> Ai là người ra quyết định công nhận các thôn hiện có cho từng xã?	15
<i>Câu hỏi 11:</i> Việc thành lập thôn mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập thôn) được pháp luật quy định như thế nào?	16
<i>Câu hỏi 12:</i> Quy trình thành lập thôn mới được pháp luật quy định như thế nào?	16
<i>Câu hỏi 13:</i> Hồ sơ thành lập thôn mới gồm những văn bản nào?	18
<i>Câu hỏi 14:</i> Ai là người xem xét ra quyết định thành lập thôn mới?	18
<i>Câu hỏi 15:</i> Các hoạt động của thôn bao gồm những nội dung gì và được thực hiện thông qua hình thức nào?	19
<i>Câu hỏi 16:</i> Hội nghị của thôn được tổ chức như thế nào?	20
<i>Câu hỏi 17:</i> Tiêu chuẩn trưởng thôn được pháp luật quy định như thế nào?	20
<i>Câu hỏi 18:</i> Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của trưởng thôn được pháp luật quy định như thế nào?	21
<i>Câu hỏi 19:</i> Quy trình bầu trưởng thôn được pháp luật quy định như thế nào?	22
<i>Câu hỏi 20:</i> Việc giới thiệu nhân sự bầu trưởng thôn được pháp luật quy định như thế nào?	23

<i>Câu hỏi 21:</i> Việc thành lập tổ bầu cử để tiến hành bầu trưởng thôn được pháp luật quy định như thế nào?	24
<i>Câu hỏi 22:</i> Tổ bầu cử bầu trưởng thôn có những nhiệm vụ gì?	24
<i>Câu hỏi 23:</i> Việc kiểm phiếu và công bố kết quả bầu trưởng thôn được quy định như thế nào?	25
<i>Câu hỏi 24:</i> Ai là người ra quyết định công nhận người trúng cử trưởng thôn? Trưởng thôn chính thức hoạt động từ khi nào?	26
<i>Câu hỏi 25:</i> Kinh phí bầu cử trưởng thôn được pháp luật quy định như thế nào?	26
IV- Tổ chức và hoạt động của tổ dân phố	27
<i>Câu hỏi 26:</i> Việc thành lập tổ dân phố mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập tổ dân phố) do cấp nào trình và cấp nào xem xét, quyết định?	27
<i>Câu hỏi 27:</i> Hoạt động của tổ dân phố, hội nghị tổ dân phố, tiêu chuẩn và việc bầu cử tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện như thế nào?	28
<i>Câu hỏi 28:</i> Nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của tổ trưởng tổ dân phố là gì?	28
V- Điều khoản thi hành	29
<i>Câu hỏi 29:</i> Ủy ban nhân dân cấp nào có thẩm quyền ban hành quy định cụ thể Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố cho phù hợp tình hình thực tế ở địa phương?	29
<i>Câu hỏi 30:</i> Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm gì trong công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ	

dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ?	30
<i>Câu hỏi 31:</i> Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương liên quan tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ như thế nào?	30
<i>Câu hỏi 32:</i> Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ nếu có vướng mắc thì cơ quan nào có trách nhiệm xem xét, giải quyết?	31
<i>Câu hỏi 33:</i> Công tác bồi dưỡng đối với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được quy định và hướng dẫn tại văn bản nào?	32
<i>Câu hỏi 34:</i> Mục đích, yêu cầu đối với việc bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được đặt ra như thế nào?	32
<i>Câu hỏi 35:</i> Nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng trưởng thôn do cơ quan nào ban hành?	33
<i>Câu hỏi 36:</i> Nội dung cụ thể của chương trình, tài liệu bồi dưỡng đối với trưởng thôn là gì?	33
<i>Câu hỏi 37:</i> Việc phân cấp thẩm quyền quy định cấu trúc nội dung chương trình và biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được quy định cụ thể như thế nào?	34

<i>Câu hỏi 38:</i> Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá, quản lý và cấp chứng chỉ cho trưởng thôn sau một khóa đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện như thế nào?	36
<i>Câu hỏi 39:</i> Giảng viên bồi dưỡng trưởng thôn gồm những đối tượng nào?	36
<i>Câu hỏi 40:</i> Thời gian mỗi khóa bồi dưỡng trưởng thôn theo chương trình, tài liệu đã được cơ quan có thẩm quyền quy định là bao nhiêu ngày?	37
<i>Câu hỏi 41:</i> Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố khi được cơ quan cử đi bồi dưỡng có trách nhiệm và quyền lợi gì?	38
<i>Câu hỏi 42:</i> Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố khi được cơ quan cử đi bồi dưỡng được đài thọ kinh phí học tập như thế nào và do cơ quan nào cấp?	38
<i>Câu hỏi 43:</i> Việc phân công tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được giao cho các cơ quan thực hiện như thế nào?	39

Phần thứ hai

MỘT SỐ VĂN BẢN THAM KHẢO VỀ VIỆC THỰC HIỆN QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ	41
--	----

- Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố 41
- Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT/BTTUBTWMTTQVN-BNV ngày 12-5-2005

của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Nội vụ hướng dẫn quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố	55
- Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT/CP- BTUBTWMTTQVN, ngày 17-4-2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các điều 11, 14, 16, 22 và 26 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (<i>Trích</i>)	80
- Quyết định số 135/2005/QĐ-BNV ngày 15-12-2005 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố	108
- Quyết định số 42/2010/QĐ-UBND ngày 30- 8-2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố trên địa bàn Thành phố Hà Nội	116
- Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND ngày 15- 3-2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố	148
- Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 20- 9-2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quy định tạm thời bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quy trình tuyển chọn đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố.	168

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: PHẠM THỊ THINH

Vẽ bìa: DƯƠNG THÁI SƠN

Chế bản vi tính: NGUYỄN QUỲNH LAN

Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Đọc sách mẫu: PHẠM THỊ THINH

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

12/86 phố Duy Tân, Cầu Giấy - Hà Nội ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222,

E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn, website: www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình

Dự án PS - ARD - Hợp phần II - Trường Chính trị

- MỘT SỐ KỸ NĂNG CƠ BẢN TRONG HOẠT ĐỘNG
CỦA TRƯỜNG THÔN

Hội đồng chỉ đạo xuất bản sách xã, phường, thị trấn

- HỎI - ĐÁP VỀ QUẢN LÝ VĂN HOÁ - XÃ HỘI
Ở CẤP XÃ

- HỎI - ĐÁP VỀ QUẢN LÝ ĐỊA CHÍNH - ĐẤT ĐAI
CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ

- HỎI - ĐÁP VỀ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH
VÀ TÀI CHÍNH XÃ



8935211121935